

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

MAI THỊ BÍCH PHƯƠNG

**ĐỊNH HƯỚNG VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP
CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ XÃ HỘI HỌC

Hà Nội, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

MAI THỊ BÍCH PHƯƠNG

**ĐỊNH HƯỚNG VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP
CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ngành: Xã hội học

Mã số: 8310301

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
GS.TS. NGUYỄN HỮU MINH

Hà Nội, năm 2018

LỜI CẢM ƠN

Đề tài “**Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh**” được hoàn thành với sự cố gắng và nỗ lực của bản thân.

Lời đầu tiên, tôi bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến Ban giám đốc Học viện Khoa học Xã hội đã tạo điều kiện tốt nhất cho tôi theo học tại đây.

Đặc biệt, tôi xin trân trọng cảm ơn sâu sắc đến GS.,TS. Nguyễn Hữu Minh - người hướng dẫn khoa học đã dành nhiều thời gian góp ý và tạo điều kiện cho tôi trong suốt quá trình thực hiện và hoàn thành luận văn này.

Bên cạnh đó, tôi xin chân thành cảm ơn quý thầy, cô Khoa Xã hội học đã trang bị những kiến thức hữu ích, phương pháp nghiên cứu khoa học để tôi áp dụng vào luận văn.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến các bạn sinh viên khóa 31 đang học tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh đã giúp đỡ tôi trong quá trình thu thập số liệu cho đề tài nghiên cứu.

Sau cùng tôi xin gửi lời cảm ơn tới gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã luôn khuyến khích, động viên và giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và thực hiện đề tài nghiên cứu này.

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2018

Học viên

Mai Thị Bích Phương

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng nghiên cứu này là do tôi thực hiện, các số liệu thu thập và các kết quả phân tích trong luận văn là trung thực, khách quan và chưa từng công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu khác.

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2018

Học viên

Mai Thị Bích Phương

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NGHIÊN CỨU ĐỊNH HƯỚNG VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN	14
1.1. Cơ sở lý luận.....	14
1.1.1. Những khái niệm liên quan	14
1.1.2. Lý thuyết nghiên cứu.....	16
1.2. Cơ sở thực tiễn.....	17
1.2.1. Tổng quan về hoạt động đào tạo của trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	17
1.2.2. Tổng quan về hoạt động định hướng nghề nghiệp – việc làm của trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	18
Chương 2: THỰC TRẠNG ĐỊNH HƯỚNG VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	22
2.1. Loại hình công việc cụ thể sau khi tốt nghiệp	22
2.2. Khu vực dự định làm việc trong tương lai	25
Chương 3: CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỊNH HƯỚNG VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	31
3.1. Yếu tố trường học	31
3.2. Yếu tố gia đình.....	41
3.3. Yếu tố cá nhân	48
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	60
1. Kết luận.....	60
2. Khuyến nghị	63
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Lý do chính lựa chọn ngành học hiện tại.....	22
Bảng 1.2: Hình dung về công việc trong tương lai	23
Bảng 1.3: Dự định sau khi tốt nghiệp Đại học.....	24
Bảng 2.1: Tương quan giữa khoa đào tạo và mong muốn công tác thuộc khu vực kinh tế (%)	27
Bảng 2.2: Tương quan giữa mong muốn công tác trong khu vực kinh tế và lý do lựa chọn làm việc trong khu vực kinh tế (%)	28
Bảng 3.1: Ảnh hưởng của bạn bè thân đến định hướng lựa chọn công việc tương lai	40
Bảng 3.2: Tương quan giữa thu nhập bình quân đầu người của gia đình và định hướng của cha mẹ trong lựa chọn công việc tương lai (%)	43
Bảng 3.3: Tương quan giữa chỗ ở hiện nay của gia đình và định hướng của cha mẹ trong lựa chọn công việc tương lai (%)	44
Bảng 3.4: Tương quan giữa chỗ ở hiện nay của gia đình và dự định công việc tương lai của sinh viên (%)	46
Bảng 3.5: Gợi ý của cha mẹ về công việc cụ thể	47
Bảng 3.6: Tiếp cận thông tin về công việc tương lai.....	48
Bảng 3.7: Tương quan giữa giới tính và dự định về công việc tương lai (%).....	49
Bảng 3.8: Tương quan giữa các khoa đào tạo với dự định công việc tương lai (%)	50

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Biểu đồ 1.1: Định hướng công việc tương lai.....	24
Biểu đồ 1.2: Tiêu chí lựa chọn công việc tương lai	25
Biểu đồ 2.1: Mong muốn công tác trong khu vực kinh tế	26
Biểu đồ 3.1: Kết quả học tập học kỳ 1 năm học 2017 - 2018	32
Biểu đồ 3.2: Định hướng nghề nghiệp của giảng viên phụ trách môn.....	33
Biểu đồ 3.3: Vai trò của Giảng viên cố vấn	35
Biểu đồ 3.4: Định hướng của Nhà trường trong lựa chọn công việc tương lai.....	36
Biểu đồ 3.5: Những hình thức định hướng của Nhà trường.....	37
Biểu đồ 3.6: Định hướng của các CLB, đội, nhóm trong xác định công việc tương lai.....	38
Biểu đồ 3.7: Những giúp đỡ cụ thể của các CLB, đội, nhóm	39
Biểu đồ 3.8: Số người bạn thân	40
Biểu đồ 3.9: Định hướng của cha mẹ trong lựa chọn công việc tương lai	42
Biểu đồ 3.10: Các kênh tìm kiếm, tiếp cận thông tin về công việc trong tương lai	52
Biểu đồ 3.11: Tình hình làm thêm trong thời gian học đại học.....	53
Biểu đồ 3.12: Công việc làm thêm	54
Biểu đồ 3.13: Lý do sinh viên đi làm thêm	55

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ở Việt Nam hiện nay do cơ chế quản lý kinh tế đang có nhiều thay đổi, ảnh hưởng cả tích cực lẫn tiêu cực tới thị trường lao động nên vấn đề việc làm rất được quan tâm. Giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động là một trong những vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách của Đảng và Nhà nước ta, tuy nhiên nền kinh tế thị trường phát triển dường như khó có thể giải quyết hoàn toàn vấn đề thất nghiệp. Thất nghiệp đã trở thành một đặc trưng của nền kinh tế thị trường. Trong thị trường lao động, trừ những ngành mới xuất hiện, nhu cầu lao động cao thì giải quyết việc làm cho sinh viên mới tốt nghiệp là một vấn đề khó khăn. Điều này ảnh hưởng đến sự phát triển, làm suy giảm sự tăng trưởng kinh tế của một đất nước và nảy sinh nhiều vấn đề mới bởi nền kinh tế thị trường không chỉ tác động trực tiếp đến sinh viên mà còn tác động đến nhận thức của các bậc cha mẹ. Chính vì vậy, việc định hướng cho con cái học cái gì, ra làm nghề gì, có trái với sở trường cũng như sự đam mê yêu thích của con cái họ hay không, điều này ít nhiều ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên trước khi ra trường.

Vấn đề việc làm, đặc biệt là việc làm của sinh viên mới tốt nghiệp là đề tài của nhiều cuộc điều tra khảo sát để tìm ra hướng giải quyết. Song những kết quả nghiên cứu mới chỉ giải quyết được một phần nào đó của vấn đề này. Và đây thực sự là nỗi lo chung cho bất cứ sinh viên nào sau khi tốt nghiệp. Theo số liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quý 4 năm 2017, cả nước có đến 215,3 nghìn người có trình độ đại học trở lên bị thất nghiệp [3]. Các chuyên gia trong lĩnh vực này cho rằng, một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do chúng ta đang đào tạo những ngành nghề và kỹ năng nhà trường có chứ không đào tạo ngành nghề xã hội cần. Trong số này, có một lực lượng có trình độ đại học, cao đẳng phải chấp nhận làm việc trái

ngành nghề, không đáp ứng với trình độ đã được đào tạo và nguyện vọng của bản thân. Thậm chí, có một nghịch lý hết sức phổ biến hiện nay là lao động phổ thông và công nhân dễ tìm việc hoặc tìm được những công việc có thu nhập cao. Trong khi đó, lao động có trình độ đại học, cao đẳng lại khó xin việc hơn bởi tâm lý kén chọn, quá kỳ vọng nhiều vào tấm bằng đại học mà mình đang có. Nguyên nhân khách quan dẫn đến tình trạng cử nhân thất nghiệp ngày càng nhiều là do trong nhiều năm qua công tác tuyên truyền tư vấn nghề nghiệp, định hướng nghề nghiệp chưa đạt yêu cầu, cộng với nếp suy nghĩ đã trở thành “truyền thống” của xã hội đã tạo cho một bộ phận thanh niên không có khả năng vào đại học nhưng vẫn quyết tâm vào đại học bằng mọi giá. Bên cạnh đó, chất lượng đào tạo của một số trường cao đẳng, đại học chưa tốt, số tiết thực hành của sinh viên không cao, thiếu các kỹ năng mềm như ngoại ngữ, làm việc nhóm, giao tiếp... Hệ quả là sau khi tốt nghiệp sinh viên tiếp cận với môi trường làm việc rất khó khăn trong khi yêu cầu của thị trường lao động đang biến đổi từng ngày. Về nguyên nhân chủ quan, đa phần thanh niên chưa đánh giá đúng kỹ năng, sở trường, sở đoản của bản thân nên dẫn đến lúng túng trong quá trình lựa chọn hệ học, ngành học, việc chọn nghề theo mong muốn của cha mẹ, a dua theo bạn bè mà không căn cứ vào khả năng bản thân và nhu cầu của xã hội, dẫn đến sai lầm ngay trong bước đi đầu tiên của quá trình lựa chọn nghề nghiệp. Chính vì vậy, định hướng việc làm cho sinh viên ngay khi còn trên ghế Nhà trường là vấn đề vô cùng quan trọng và cấp thiết để tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng, phù hợp với nhu cầu xã hội đặt ra.

Một khảo sát được công bố tại hội thảo khoa học "Giải pháp gắn kết giữa đào tạo với thị trường lao động ở Việt Nam" do Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức cho thấy sinh viên thất nghiệp do thiếu định hướng nghề nghiệp. Công bố kết quả khảo sát

về tình hình việc làm của cử nhân với nhu cầu thị trường trong năm 2009 – 2010 với trên 2.948 sinh viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Huế. Theo đó, khoảng 73,8% sinh viên tìm được việc làm, 26,2% thất nghiệp [11]. Từ góc độ người giảng dạy, TS. Trịnh Văn Tùng và ThS. Phạm Huy Cường, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội đã có nghiên cứu điều tra sự gắn bó giữa ngành đào tạo và nghề kì vọng nhìn từ góc độ hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội [7]. Kết quả điều tra cho thấy, đa số sinh viên đều chưa có một định hướng cụ thể nào cho nghề nghiệp của họ sau khi tốt nghiệp với con số 70% trả lời “đã nghĩ tới công việc rồi nhưng chưa chắc chắn và không có nhiều thông tin về hệ thống nghề” gắn với định hướng đó. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, một bộ phận lớn sinh viên sau khi đã đi gần hết quá trình đào tạo trong trường đại học, chuẩn bị bước vào môi trường lao động nghề nghiệp, thì họ còn thiếu một định hướng đầy đủ và cụ thể cho nghề nghiệp của mình.

Mỗi người từ khi sinh ra và lớn lên đều mong muốn có được một việc làm ổn định và yêu thích. Mỗi gia đình đều mong muốn kỳ vọng con cái trưởng thành và có một việc làm ổn định. Mỗi quốc gia đều mong muốn giải quyết triệt để tình trạng thất nghiệp thiếu việc làm, duy trì một xã hội tăng trưởng về kinh tế, ổn định về an ninh. Để đạt được những mong muốn trên mỗi cá nhân cũng như gia đình đều có những hướng đi riêng. Định hướng nghề nghiệp một cách đúng đắn trước tiên có ích cho cá nhân vì nếu biết quyết định công việc đúng với khả năng, sở thích và năng lực của mình thì nó sẽ quyết định được sự thành đạt của chính cá nhân đó. Đó chính là tiền đề để cá nhân đó phát huy được khả năng của mình và trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Định hướng nghề nghiệp đúng làm cho bộ máy cơ cấu của xã hội vận hành một cách suôn sẻ và giảm đi tình trạng thừa thầy thiếu thợ

cho xã hội. Bởi, nếu định hướng nghề nghiệp không đúng sẽ gây lãng phí nguồn nhân lực và làm rối loạn cơ cấu nghề nghiệp xã hội. Định hướng nghề nghiệp đúng nhằm điều hoà mối quan hệ cung - cầu trên thị trường lao động từ đó có thể hoạch định những chính sách đảm bảo cho người lao động được xếp đặt vào đúng vị trí thích hợp với chuyên môn và năng lực của họ. Để từ đó, đảm bảo cho cơ cấu nghề nghiệp của xã hội được tái sản xuất và vận hành một cách suôn sẻ.

Việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên, đặc biệt là sinh viên đại học là một vấn đề quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam. Vì thế tìm hiểu được nhu cầu, nguyện vọng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên là góp phần giải quyết được vấn đề “nóng” hiện nay của sinh viên.

Xuất phát từ những mong muốn trên đề tài: ***“Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh”*** với mong muốn tìm hiểu thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng lựa chọn việc làm của sinh viên nói chung và nhóm sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

2. Những nghiên cứu về việc làm, định hướng nghề nghiệp của sinh viên, thanh niên

2.1. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên

Đã có rất nhiều đề tài nghiên cứu về vấn đề việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp nhưng dưới nhiều góc độ khác nhau, sau đây là một số đề tài nghiên cứu về vấn đề này:

Đề tài Luận văn tốt nghiệp đại học của Nguyễn Việt Anh với đề tài “Định hướng việc làm của sinh viên hiện nay” (Nghiên cứu trường hợp Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội) năm 2016 [1]. Đề tài này nghiên cứu về mong muốn của sinh viên trường Đại

học Khoa học xã hội và Nhân văn đối với công việc trong tương lai, kết quả thu được là sinh viên mong muốn sau khi tốt nghiệp sẽ vừa học vừa làm và định hướng công việc tương lai có thu nhập ổn định, phù hợp chuyên môn đào tạo. Đề tài còn nghiên cứu về hoạt động chuẩn bị tiếp cận thị trường lao động, để tìm việc thành công cần dựa vào trình độ ngoại ngữ - tin học, kỹ năng mềm cũng như kinh nghiệm nghề nghiệp; Bên cạnh đó, đề tài nghiên cứu sự khác biệt giữa các nhóm sinh viên khi định hướng nghề nghiệp, sinh viên khoa Đông phương học có xu hướng định hướng việc làm ở khu vực nước ngoài; còn sinh viên khoa Văn học thì chọn công việc ở khu vực nhà nước. Đề tài cũng đưa ra một số khuyến nghị đối với sinh viên, nhà trường và xã hội.

Nghiên cứu khác có liên quan đến đề tài này là luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ của Nguyễn Thị Minh Phương với đề tài “Định hướng nghề nghiệp và khu vực làm việc sau tốt nghiệp của sinh viên ngoài công lập hiện nay” (Nghiên cứu trường hợp Trường Đại học Đông Đô) năm 2009 [13]. Đề tài này nghiên cứu về vấn đề định hướng nghề nghiệp và nơi làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp thông qua định hướng nghề nghiệp của sinh viên theo các giá trị xã hội, thu nhập cao, được xã hội coi trọng, công việc ổn định, làm việc đúng chuyên môn; Xu hướng làm việc tại các đô thị, tại các vùng khác khi đã xác định cơ hội việc làm. Và đưa ra một số khuyến nghị nhằm giúp nhà trường và sinh viên xác định ý nghĩa của định hướng nghề nghiệp và nâng cao chất lượng đào tạo cũng như uy tín của nhà trường.

Tiếp theo là đề tài nghiên cứu của Nguyễn Phương Toàn “Khảo sát các yếu tố tác động đến việc chọn trường của học sinh lớp 12 trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Tiền Giang” [17]. Tác giả đã xác định và đánh giá tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của học sinh lớp 12 Trung học phổ thông trong kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng. Qua đó, đề

xuất các giải pháp để góp phần nâng cao hiệu quả công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lớp 12 Trung học phổ thông trong quyết định lựa chọn trường dự thi trong kỳ thi đại học, cao đẳng.

Nhìn chung, sinh viên đều mong muốn làm việc ở những thành phố lớn và làm việc trong khu vực kinh tế nhà nước: “Sự phát triển KT- XH ngày nay đã giảm dần sự phân biệt nghề lao động tay chân hay trí óc, nhân viên văn phòng hay kinh doanh, khối nhà nước hay tư nhân... Tuy nhiên, kết quả điều tra cho thấy có đến 82/162 SV (50,6%) vẫn mong muốn được làm cho khối nhà nước. Số còn lại là 38% chia đều cho khối doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nước ngoài. Chỉ có số ít 8.6% SV là muốn mở công ty riêng và số rất ít còn lại muốn làm cho các dự án phi chính phủ (NGO).” [6, tr. 116]; “Kết quả cho thấy số sinh viên mong muốn làm việc ở thành phố là cao nhất (46%), số còn lại mong muốn về quê (22%) hoặc chấp nhận làm việc ở bất cứ nơi nào (20%) và số ít sẵn sàng chấp nhận công việc ở vùng xa.” [6, tr. 118]

Cũng về vấn đề việc làm cho sinh viên khi ra trường, nhóm thực hiện đề tài nghiên cứu “Những yếu tố ảnh hưởng từ hoạt động đào tạo tới khả năng có việc làm và niềm đam mê trong công việc theo chuyên ngành của sinh viên Đại học Ngân hàng khi ra trường” nghiên cứu vào tháng 10/2016 dự thi giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học Eureka [13]. Với việc thực hiện khảo sát 400 cựu sinh viên, 465 sinh viên đang học và cùng thực hiện phỏng vấn trực tiếp 6 lãnh đạo các đơn vị và khảo sát 32 giảng viên chính thức tại Trường, kết quả khảo sát cho thấy vẫn có tới 27% sinh viên chưa có việc làm đúng chuyên ngành và trong 73% sinh viên có việc làm đúng chuyên ngành thì có tới 83% sinh viên trong số này không đam mê với công việc hiện tại của mình. Điều này xuất phát từ một số nguyên nhân như có tới gần 90% cựu sinh viên không xác định được công việc khi còn học tại Trường, hay vẫn có tới 26% cựu sinh viên không yêu thích việc học cho tới khi ra trường cùng

nhiều yếu tố từ sinh viên và tác động của nhà trường trong quá trình đào tạo đại học.

Hàng năm, trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh làm khảo sát về tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy, số lượng sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp có tỷ lệ rất cao trong tổng số cựu sinh viên được khảo sát, cụ thể 91% (năm 2015), 97,70% (năm 2016). Cựu sinh viên chủ yếu làm trong khu vực kinh tế cổ phần 51,50%, trong đó phần lớn làm ở các ngân hàng (47,50%) [18].

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng việc làm

Đề tài “Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng có việc làm của sinh viên Đại học Ngoại thương sau khi tốt nghiệp” năm 2016 [10]. Trong giới hạn của nghiên cứu này, tác giả gợi mở một vài giải pháp để giúp sinh viên ra trường có việc làm đó là sinh viên cần tích cực học tập chuyên môn, chuyên môn vững, tư duy tốt là điều kiện tiên quyết đối với nhà tuyển dụng. Bên cạnh đó, tích cực hoàn thiện về ngoại ngữ. Trong bối cảnh hội nhập, ngoại ngữ là rất cần thiết cho người lao động. Cuối cùng, bên cạnh rèn luyện chuyên môn, ngôn ngữ sinh viên cần tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa. Đối với sinh viên Đại học Ngoại thương việc tìm cho mình một câu lạc bộ thích hợp là không hề khó. Sinh viên cần hiểu được những lợi ích tích cực mà tham gia ngoại khóa mang lại để tham gia các hoạt động này.

Kết quả khảo sát cho thấy trong tổng số sinh viên được hỏi có 60% sinh viên có việc và 40% sinh viên chưa có việc làm. Trong đó, chỉ có 30% sinh viên có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo. Mức lương của những sinh viên có việc dao động từ 1 đến 5 triệu đồng, trung bình là 2,8 triệu. Những sinh viên thuộc mẫu khảo sát có điểm đầu vào trung bình 24,56 điểm, điểm tốt nghiệp trung bình là 3,2 điểm (thang điểm 4) và điểm tiếng anh trung bình là 8,8 điểm (thang điểm 10). Điều này một lần nữa khẳng định ngoài chuyên

môn vững sinh viên ngoại thương khi tốt nghiệp còn rất tốt về ngoại ngữ nói chung. Ngoài ra, trong số những sinh viên có việc làm có tới 80% sinh viên khi đi học có tham gia hoạt động ngoại khóa, việc tham gia hoạt động ngoại khóa giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng, phát triển sức sáng tạo, mở rộng mối quan hệ v.v... nhờ đó rất tốt cho việc tìm việc làm cũng như công việc sau này.

Cũng với đề tài này, tác giả Phạm Huy Cường đã trình bày trong luận văn thạc sĩ kết quả nghiên cứu rằng: “gia đình và các phương tiện truyền thông đại chúng có ảnh hưởng lớn nhất, đặc biệt là gia đình có tác động trực tiếp và mạnh mẽ nhất đối với việc lựa chọn ngành học cho con cái của mình”, “gần như tất cả các sinh viên đều khẳng định sự ảnh hưởng của gia đình đến định hướng nghề nghiệp của mình trong đó có 38,8% cho rằng gia đình có vai trò hết sức quan trọng” [4, tr. 35].

Đề tài nghiên cứu về định hướng việc làm của sinh viên không phải là đề tài mới, song ở mỗi giai đoạn sẽ có những khía cạnh nghiên cứu khác nhau. Do đó, đề tài **“Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh”** với hy vọng mang lại những kết quả nghiên cứu mới mẻ trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt đối với sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Nghiên cứu đề tài “Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh” nhằm làm sáng tỏ thực trạng và các yếu tố tác động đến định hướng chọn việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Nhiệm vụ

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, luận văn tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau đây:

- Tổng quan, khảo sát định lượng về thực trạng, phân tích thực trạng định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phân tích các yếu tố tác động đến định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu và khách thể nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên.

Khách thể nghiên cứu: Sinh viên đang học năm thứ 3 tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 8 năm 2018.

- Địa bàn nghiên cứu: Khảo sát tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Câu hỏi nghiên cứu

1. Sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh có định hướng ra trường chủ yếu làm những nghề gì và ở những khu vực kinh tế nào?

2. Các yếu tố nào tác động đến định hướng việc làm của sinh viên?

5.2. Giả thuyết nghiên cứu

- Sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh có mong muốn sau khi tốt nghiệp sẽ được làm việc đúng chuyên ngành đã học và ở khu vực kinh tế tư nhân nước ngoài.

- Các yếu tố trường học, gia đình và cá nhân đều có ảnh hưởng đến định hướng việc làm của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tốt nghiệp; trong đó, yếu tố cá nhân có vai trò rất quan trọng.

5.3. Phương pháp nghiên cứu

5.3.1. Phương pháp thu thập thông tin

- **Phương pháp phân tích tài liệu nghiên cứu dựa vào tư liệu sẵn có:**

+ Thu thập và nghiên cứu một số sách báo về việc làm sinh viên sau khi tốt nghiệp (*đặc biệt các tài liệu ở Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh*) và các vấn đề liên quan bổ sung thông tin cho đề tài nhằm hoàn thiện đề tài.

+ Thu thập nguồn số liệu đã được tính toán, công bố từ các cơ quan thống kê.

- **Phương pháp nghiên cứu định lượng:**

Thông tin được thu thập bằng hình thức phỏng vấn cá nhân bằng bảng hỏi đã được chuẩn bị sẵn. Đối tượng là sinh viên năm thứ 3 (khóa 31) của 08 khoa chia thành 4 ngành/nhóm ngành như sau:

+ Nhóm ngành Kinh tế – Kinh doanh: Khoa Tài chính, khoa Ngân hàng, khoa Kế toán – Kiểm toán, khoa Quản trị kinh doanh, khoa Kinh tế quốc tế.

+ Khối ngành Luật: Khoa Luật Kinh tế.

+ Khối ngành Ngôn ngữ: Khoa Ngoại ngữ.

+ Khối ngành quản lý: Khoa Hệ thống Thông tin Quản lý.

- **Phương pháp chọn mẫu:**

Cỡ mẫu:

Trong đề tài nghiên cứu, cỡ mẫu được chọn là 320 trường hợp theo cơ cấu ngành học của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

Cách thức chọn mẫu: Với đề tài này, tác giả áp dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Kết quả chọn mẫu được thể hiện trong các bảng sau:

- Cơ cấu giới tính:

Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nam	109	34,1
Nữ	211	65,9
Tổng	320	100.0

- Cơ cấu nơi ở:

Nơi ở	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Đô thị đồng bằng	122	38,1
Nông thôn đồng bằng	117	36,6
Đô thị miền núi	37	11,6
Nông thôn miền núi	44	13,7
Tổng	320	100.0

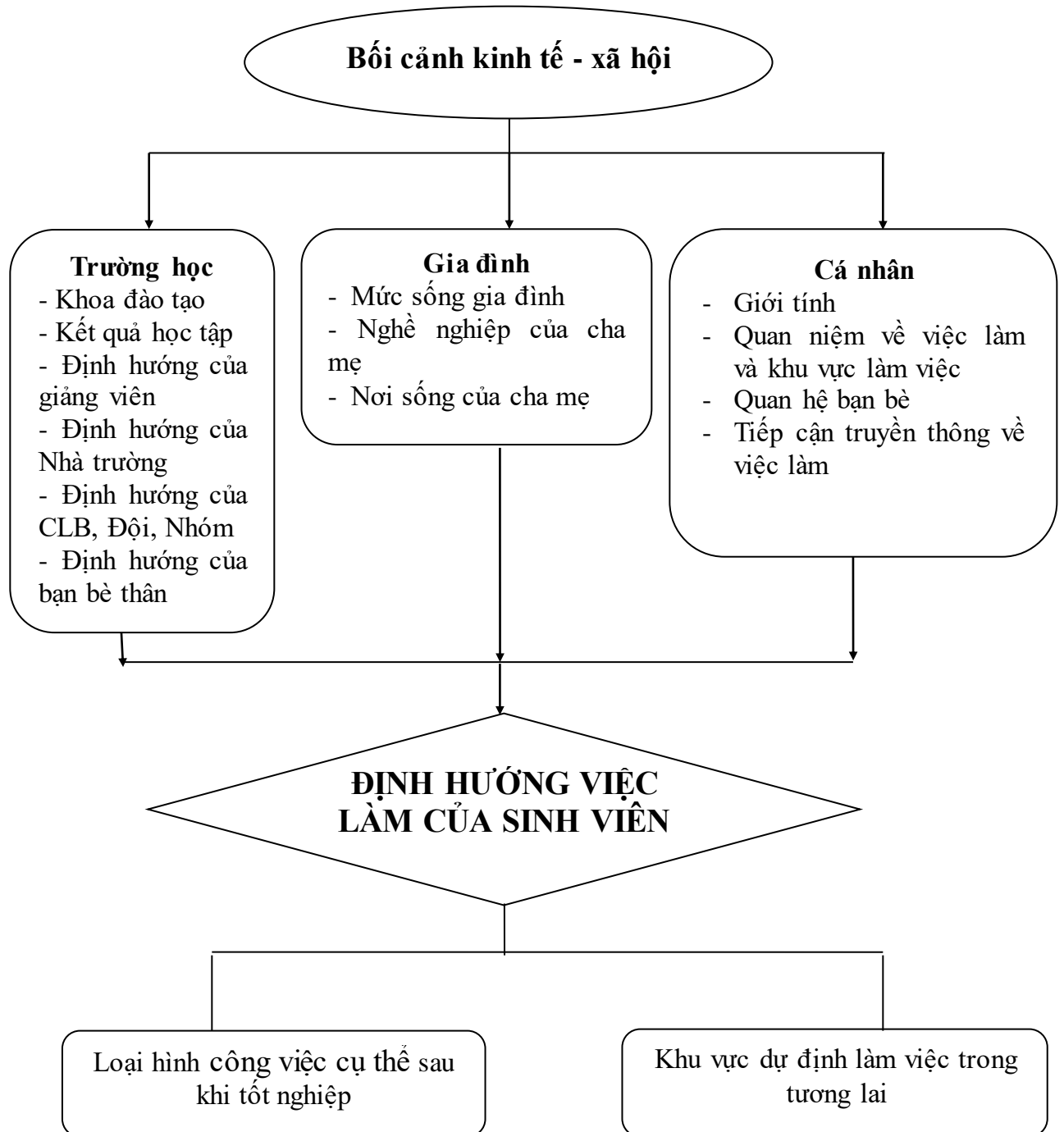
- Cơ cấu học lực:

Học lực	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giỏi	25	7,8
Khá	218	68,1
Trung bình	74	23,1
Yếu	3	0,9
Tổng	320	100.0

5.3.2. Phương pháp xử lý thông tin

- *Các thông tin định lượng:* được tác giả mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS theo: chỉ số thống kê chủ yếu là tần suất mô tả và mô tả tương quan (tỷ lệ %) về: giới tính, ngành học, khoa đào tạo, việc làm,....

5.4. Khung phân tích



6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của đề tài này sẽ là tài liệu tham khảo cho những người nghiên cứu trong lĩnh vực liên quan.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của đề tài này góp phần nào phản ánh được thực trạng định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay, làm rõ được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình định hướng việc làm tương lai của sinh viên. Từ đó, cung cấp luận cứ giúp Ban lãnh đạo trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và các nhà hoạch định giáo dục đại học nói chung đưa ra những giải pháp phù hợp cho vấn đề định hướng việc làm đối với sinh viên, nhằm tạo thuận lợi cho sinh viên có định hướng đúng về việc làm trong tương lai cũng như tiếp cận được các công việc thực tế.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, và tài liệu tham khảo, luận văn bao gồm ba chương, cụ thể như sau:

- **Chương 1:** Cơ sở lý luận và thực tiễn nghiên cứu định hướng việc làm của sinh viên
- **Chương 2:** Thực trạng định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Chương 3:** Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NGHIÊN CỨU ĐỊNH HƯỚNG VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Những khái niệm liên quan

1.1.1.1. Việc làm

Đã có những khái niệm việc làm được đưa ra từ nhiều góc độ nghiên cứu khác nhau, vì vậy chưa có một định nghĩa chung, quát nhất về việc làm.

Theo Tổ chức lao động quốc tế (*ILO*) thì khái niệm việc làm chỉ đề cập đến trong mối quan hệ với lực lượng lao động. Khi đó, việc làm được phân thành hai loại: Có trả công (*những người làm thuê, học việc...*) và không được trả công nhưng vẫn có thu nhập (*giới chủ làm kinh tế gia đình...*). Vì vậy, việc làm được coi là hoạt động có ích mà không bị pháp luật ngăn cấm có thu nhập bằng tiền (hoặc bằng hiện vật). Những người có việc làm là những người làm một việc gì đó có được trả công, lợi nhuận, được thanh toán bằng tiền hoặc hiện vật, hoặc tham gia vào các hoạt động mang tính chất tự tạo việc làm vì lợi ích hay vì thu nhập của gia đình, không được nhận tiền công (*hiện vật*).

Tại điều 9, chương II, Bộ Luật lao động của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 2012) đã ghi rõ: “Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật ngăn cấm.” [16].

Hay như tác giả Nguyễn Thị Kim Phụng cho rằng: “Việc làm là những hoạt động lao động hợp pháp, mang tính nghề nghiệp và tương đối ổn định, tạo ra thu nhập hoặc có khả năng tạo ra thu nhập cho người thực hiện.” [14, tr.67].

Như vậy, khái niệm việc làm có thể hiểu là hoạt động lao động của con người nhằm mục đích tạo ra thu nhập và hoạt động này không bị pháp luật ngăn cấm.

1.1.1.2. Định hướng việc làm

Các nhà tâm lý học Mỹ cho rằng: “Hướng nghiệp là một quá trình giúp cho cá nhân tìm hiểu nghề và những phẩm chất nhân cách của mình, trên cơ sở đó lựa chọn một nghề phù hợp.” [9, tr. 25]

Theo tác giả Đặng Danh Ánh: “Hướng nghiệp là một hoạt động của các tập thể sư phạm, của các cán bộ thuộc các cơ quan, nhà máy khác nhau được tiến hành giúp cho học sinh chọn nghề đúng đắn phù hợp với năng lực, hứng thú, thể lực và tâm lý của cá nhân, với nhu cầu nhân lực của xã hội. Hướng nghiệp là một bộ phận cấu thành của quá trình giáo dục – học tập trong nhà trường.” [9, tr. 26]

“Bên cạnh đó, hướng nghiệp còn được hiểu là hệ thống biện pháp tác động xã hội (gia đình, nhà trường, xã hội) đến nhận thức, thái độ và hành vi lựa chọn nghề và trường đào tạo nghề của thanh niên. Kết quả là làm thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi chọn nghề (chọn trường học) của đối tượng theo chiều hướng tạo ra sự phù hợp giữa sự lựa chọn của cá nhân với các yêu cầu của nghề được chọn, qua đó đảm bảo lợi ích tối đa của cá nhân và xã hội, khai thác và sử dụng triệt để khả năng, tiềm năng và ưu thế của cá nhân trong việc hành nghề trong suốt cuộc đời và đảm bảo sự khai thác hợp lý nguồn nhân lực trong sự phát triển kinh tế của xã hội.” [9, tr. 27]

Nói cách khác, “hướng nghiệp là quá trình giúp các cá nhân nhận biết về bản thân họ, giá trị và năng lực của họ và những yêu cầu của thế giới công việc để họ có quyết định chín chắn về nghề nghiệp mà họ sẽ chọn.” [9, tr. 28]

1.1.1.3. Sinh viên

Theo Từ điển Giáo dục học thì “Sinh viên” là người học của một cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học. Có thể phân loại sinh viên đại học theo những phạm trù khác nhau.

“Do nhu cầu thống kê, người ta có thể phân biệt sinh viên thông thường và sinh viên thuộc hệ thống giáo dục không chính quy (giáo dục thường xuyên) và có một hệ số quy đổi từ sinh viên không chính quy sang sinh viên chính quy.” [8, tr. 343]

1.1.2. Lý thuyết nghiên cứu

Có rất nhiều lý thuyết có thể áp dụng vào lý giải vấn đề này. Tuy nhiên, trong phạm vi của luận văn này, tác giả khóa luận áp dụng lý thuyết sự lựa chọn hợp lý và lý thuyết hệ thống để luận giải cho vấn đề nghiên cứu của mình.

Lý thuyết về sự lựa chọn hợp lý

Friedman và Hechter đưa ra khái niệm “lựa chọn hợp lý”, trong đó nhấn mạnh vai trò của các cá nhân [19]. Nội dung của cá nhân là đạt đến những hành động, mục tiêu và động cơ thực hiện những giá trị. Trong quá trình này cá nhân đó đạt đến mục tiêu trong khi hành động. Lý thuyết này đề cập đến khả năng thích ứng của con người trong việc lựa chọn cho mình một công việc nào đó phù hợp với khả năng của mình. Vấn đề quan trọng ở lý thuyết lựa chọn hợp lý này là đề cao vai trò của cá nhân. Khả năng đáp ứng và thích ứng các tác động bên ngoài. Những người nào có năng lực hơn thì khả năng thích ứng cao hơn.

Theo G.Homans, ông cho rằng chủ thể hành động luôn cân nhắc, tính toán kỹ lưỡng những loại hành động đang đặt trước mắt của chủ thể hành động [19]. Cá nhân so sánh tổng số phần thưởng liên quan đến quá trình hành động, tính toán khả năng thực tế về việc đạt tới phần thưởng và tính tới tính

chất thời thượng, tính chất thừa nhận của những giá trị xã hội, coi đó là những phần thưởng kích thích hành vi. Nếu những phần thưởng có giá trị vật chất cao nhưng đối với một người coi trọng giá trị đạo đức và tinh thần thì chưa chắc phần thưởng vật chất đó đã trở thành hợp lý trong quá trình lựa chọn. Do đó, khi sinh viên định hướng chọn một công việc phù hợp với truyền thống gia đình tuy mang lại thu nhập không cao nhưng họ xem đó là một công việc phù hợp với bản thân. Chính vì lý thuyết này đề cao vai trò của cá nhân, cho nên sự lựa chọn hợp lý của cá nhân này chưa hẳn đã hợp lý với cá nhân khác, điều quan trọng ở đây là công việc đó là sự lựa chọn hợp lý đối với cá nhân đã thực hiện lựa chọn.

Lý thuyết hệ thống

Lý thuyết hệ thống nhấn mạnh rằng mỗi cá nhân là một cá thể sống trong một hệ thống phức tạp, đa dạng và chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố khác nhau như gia đình, bạn bè, cộng đồng, bối cảnh chính trị, hoàn cảnh kinh tế xã hội, hệ thống giáo dục và nhiều thiết chế, yếu tố khác nữa. Sự ảnh hưởng của từng yếu tố chủ quan và khách quan đối với quyết định chọn nghề của mỗi người không như nhau vì nó còn tùy thuộc vào từng thời điểm, nhận thức, khả năng và phản ứng của mỗi người trước từng yếu tố. Tất cả những yếu tố này ảnh hưởng rất nhiều đến việc nhận thức, làm quen, học hỏi, quyết định lựa chọn và phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân như một quá trình xã hội hóa. [12, tr. 20]

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Tổng quan về hoạt động đào tạo của trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh là trường đại học với ngành đào tạo mũi nhọn là ngành tài chính – ngân hàng, cung cấp nguồn lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp cũng như các ngân hàng trong và ngoài nhà nước. Trường hiện đóng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, là

trung tâm văn hóa – khoa học – kỹ thuật, có tầm quan trọng đặc biệt về nền kinh tế – chính trị của cả nước và cũng là nơi mà áp lực cạnh tranh giữa các trường đại học cùng khối ngành diễn ra rất gay gắt.

Cùng với việc phát triển các chuyên ngành đào tạo mới, quy mô đào tạo của trường đã tăng lên nhanh chóng. Trường hiện đang cung cấp dịch vụ giáo dục đại học chính quy ở 07 ngành đào tạo gồm: Tài chính – Ngân hàng; Kế toán – Kiểm toán; Quản trị kinh doanh; Hệ thống thông tin quản lý; Ngôn ngữ Anh; Kinh tế quốc tế và Luật kinh tế. Bên cạnh đó, người học có thể tham gia học cùng lúc hai ngành đào tạo tại Trường (*học song ngành*) nếu phù hợp với các quy định, quy chế đào tạo của Trường. Chương trình giáo dục đại học mà Trường cung cấp cho người học khối lượng 129 đơn vị tín chỉ, chưa kể các học phần Giáo dục thể chất (*5 đơn vị tín chỉ*) và Giáo dục quốc phòng (*8 đơn vị tín chỉ*), trong thời gian đào tạo 4 năm. Chương trình giáo dục đại học của Trường phát triển theo hướng cung cấp nền tảng nghề nghiệp chắc chắn cho người học với khối lượng đào tạo kiến thức – kỹ năng nghề nghiệp ngành và chuyên ngành chiếm tới 2/3 tổng tín chỉ được đào tạo.

Hoạt động đào tạo của Trường được tổ chức đa dạng với các bậc, hệ đào tạo khác nhau. Tính đến 31/12/2017, tổng số sinh viên của Nhà trường là 12.679, trong đó:

Sinh viên đại học hệ chính quy: 10.290

Sinh viên đại học hệ không chính quy: 1.802

Học viên cao học: 483

Nghiên cứu sinh: 104

1.2.2. Tổng quan về hoạt động định hướng nghề nghiệp – việc làm của trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Trong những năm qua, Trường đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh đã có một số hình thức hướng nghiệp và tổ chức các hoạt động nhằm hỗ trợ, cung cấp thông tin về việc làm cho sinh viên, cụ thể:

Nhà trường tổ chức thường niên “Ngày hội việc làm BUH”, tại đây đã giúp tìm kiếm hàng nghìn đầu việc toàn thời gian và bán thời gian cho sinh viên. Ngày hội thu hút lên tới khoảng 50 đơn vị tham gia. Tổ chức các chuyên đề kỹ năng nghề nghiệp và Hội thảo tư vấn về các vấn đề tâm lý, sức khỏe sinh sản, tình yêu, lối sống trong sinh viên Trường. Với rất nhiều sinh viên mới ra trường, phỏng vấn xin việc luôn là một thử thách nhiều áp lực bởi sự non nớt về kinh nghiệm và sự thiếu tự tin về một mặt nào đó. Với mong muốn tạo cơ hội cho các bạn sinh viên năm 3, 4 nói riêng và toàn thể sinh viên nói chung có cơ hội được tiếp xúc và gặp gỡ, trao đổi với các nhà tuyển dụng đến từ các ngân hàng lớn; từ đó học hỏi kinh nghiệm phỏng vấn và có cơ hội được tham gia phỏng vấn trực tiếp, chương trình được tổ chức nhằm giúp các bạn sinh viên định hướng các kiến thức kỹ năng cần thiết cho công việc tương lai và đặc biệt là kích thích sự tự rèn luyện trong sinh viên, định hình cái tôi cá nhân, qua đó giúp tạo dấu ấn riêng trong buổi phỏng vấn.

Hội thảo chuyên đề “Hành trang khởi nghiệp đối với sinh viên sắp ra trường” phối hợp với Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) cùng đơn vị bảo trợ thông tin Ban thông tin – truyền thông Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là một chuyên đề hấp dẫn, bổ ích, thu hút sự quan tâm đông đảo của các bạn sinh viên. Tại đây các bạn sinh viên đã có cơ hội được giao lưu với nhà tuyển dụng, bày tỏ những băn khoăn, lo lắng về vấn đề việc làm, nhu cầu của nhà tuyển dụng trong bối cảnh kinh tế hiện nay. Bên cạnh đó các bạn cũng được giải đáp những thắc mắc, lắng nghe những chia sẻ, định hướng nghề nghiệp trong tương lai cũng như nhu cầu của nhà tuyển dụng, như: Dù không có một khuôn mẫu nào được đưa ra khi tuyển dụng nhưng các nhà tuyển dụng luôn đánh giá cao sự tự chủ, độc lập, tính tư duy trong giải quyết tình huống. Thứ hai là khả năng ngoại ngữ, trình độ tin học xử lý excel, powerpoint. Hai yếu tố

này không thể thiếu nhưng hầu hết sinh viên các trường đại học đều chưa đáp ứng được. Thứ ba là ý thức được công việc mình sẽ làm và chứng tỏ cho nhà tuyển dụng thấy khả năng mình có thể làm.

Cũng với chủ đề hướng nghiệp, Khoa Hệ thống Thông tin Quản lý trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh kết hợp cùng Công ty Cổ phần Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp FAST tổ chức buổi hội thảo dành cho sinh viên năm 3, 4 khoa hệ thống thông tin với chủ đề “Định hướng nghề nghiệp ngành Hệ thống Thông tin và cơ hội làm việc tại FAST”. Với mục đích hướng nghiệp cho sinh viên về các việc làm trong ngành hệ thống thông tin quản lý nói riêng và ngành công nghệ thông tin nói chung. Giúp sinh viên định hướng và trau dồi thêm những kiến thức cần thiết trong quá trình học và sau khi ra trường.

Tương tự, chuyên đề “Giao lưu hướng nghiệp” sinh viên với ngành Tài chính – Chứng khoán của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng. Buổi Hội thảo mang lại rất nhiều kiến thức, những kinh nghiệm được chia sẻ, không chỉ giúp sinh viên tự tin hơn trong tương lai mà còn giúp các nhà tuyển dụng hiểu rõ hơn những thắc mắc và tìm kiếm được nguồn nhân lực thực sự hiệu quả.

Bên cạnh đó, vào mỗi đầu năm học mới, Trường tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân – Sinh viên đầu khóa”. Thiết kế chương trình học tập súc tích, hiệu quả theo hướng giảm bớt lý thuyết, đưa thêm các chuyên đề “Kỹ năng mềm” bên cạnh nội dung theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo với báo cáo viên là những chuyên gia, doanh nhân giàu kinh nghiệm và thành đạt và đã tạo được hứng thú, hiệu quả học tập cho sinh viên. Tạo điều kiện để sinh viên tham gia tổ chức các hoạt động nhằm rèn “kỹ năng mềm” cho các em và tăng cơ hội tiếp xúc, khẳng định bản thân với đơn vị tuyển dụng.

Đồng thời hằng năm, Trường phát hành cẩm nang “*Những điều cần biết đối với sinh viên cuối khóa*” (dành cho sinh viên hệ chính quy) và cuốn “*Kỹ năng mềm dành cho sinh viên khối ngành kinh tế*” đã giúp những sinh viên năm cuối tại Trường có tài liệu hướng dẫn các kỹ năng thiết yếu trước và trong khi đi thực tập, tìm việc. Cuốn Cẩm nang này đã giúp sinh viên có đầy đủ thông tin để chủ động trong quá trình học tập, rèn luyện và chuẩn bị hành trang đi phỏng vấn, tìm việc.

Chương 2

THỰC TRẠNG ĐỊNH HƯỚNG VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Loại hình công việc cụ thể sau khi tốt nghiệp

Mỗi sinh viên có những lý do riêng khi lựa chọn cho mình một ngành học cũng như một môi trường giáo dục đào tạo. Chính sự lựa chọn này là cánh cửa để các em sinh viên chạm đến ước mơ, cửa ngõ đến với nghề nghiệp ở tương lai. Và Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh là một trong những ngôi trường luôn được sinh viên đặt niềm tin chọn lựa để học tập, rèn luyện, tu dưỡng nhằm trang bị hành trang kiến thức và kỹ năng mềm đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp. Khi được khảo sát về lý do chọn ngành học hiện tại ở bảng 1.1, sinh viên chọn ngành này vì đây là một ngành có thể kiếm nhiều tiền trong tương lai chiếm tỷ lệ cao nhất (38,1% trong tổng số mẫu); tiếp đó lý do lựa chọn ngành này vì công việc của ngành phù hợp với sở trường của cá nhân cũng chiếm tỷ lệ cao đáng kể (34,4 % trong tổng số mẫu) và hầu như rất ít sinh viên lựa chọn ngành học hiện tại theo truyền thống của gia đình (3% trong tổng số mẫu).

Bảng 1.1: Lý do chính lựa chọn ngành học hiện tại

Lý do	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Đây là một ngành có thể kiếm nhiều tiền trong tương lai	122	38,1
Công việc của ngành phù hợp với sở trường của bạn	110	34,4
Cha mẹ khuyên nên vào ngành này	39	12,2
Theo lời khuyên của bạn bè	6	1,9
Gia đình có truyền thống làm trong ngành này	3	,9
Khác	40	12,5
Tổng	320	100,0

Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Để sinh viên có được một công việc đúng với chuyên ngành và đam mê

với công việc đó thì điểm xuất phát phải từ nhận thức của sinh viên từ ngay khi còn học đại học bao gồm: nhận thức về công việc ngay khi còn học đại học, nhận thức về giá trị việc học của mình và nhận thức cả về môi trường thực tế đầy biến động. Khi có được những nhận thức trên sẽ luôn giúp cho sinh viên có được động lực để phát triển mình hơn nữa, luôn có động lực để lựa chọn được con đường phù hợp cho mình theo đuổi hay mục tiêu công việc của mình. Trong đó, môi trường đại học có thể giúp sinh viên nhận thức được các vấn đề đương đại cũng như tạo điều kiện để sinh viên tự trao dồi về kiến thức, kĩ năng mà công việc của họ yêu cầu. Vì vậy, khi khảo sát về hình dung công việc trong tương lai ở bảng 1.2 thì phần lớn số lượng sinh viên xác định rõ ràng công việc của mình sẽ ổn định hoặc không ổn định nhưng có thu nhập cao hoặc ở mức bình thường (chiếm 33,4%, 30% và 10,6% trong tổng số mẫu); song bên cạnh đó, có tới 25,9 % sinh viên hoàn toàn chưa xác định được công việc tương lai của mình sẽ như thế nào. Sinh viên đã có định hướng ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường, đã ý thức được việc học tập nghiêm túc để tìm kiếm được một công việc phù hợp năng lực cũng như sở thích của bản thân.

Bảng 1.2: Hình dung về công việc trong tương lai

Công việc	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Sẽ có công việc ổn định và thu nhập cao	96	30,0
Có công việc ổn định nhưng thu nhập bình thường	107	33,4
Không có công việc ổn định nhưng thu nhập cao	34	10,6
Hoàn toàn chưa xác định được	83	25,9
Tổng	320	100,0

Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Khi được hỏi về dự định về công việc tương lai, sinh viên sẽ làm gì sau khi tốt nghiệp Đại học, con số rất tích cực khi số sinh viên xác định mục tiêu

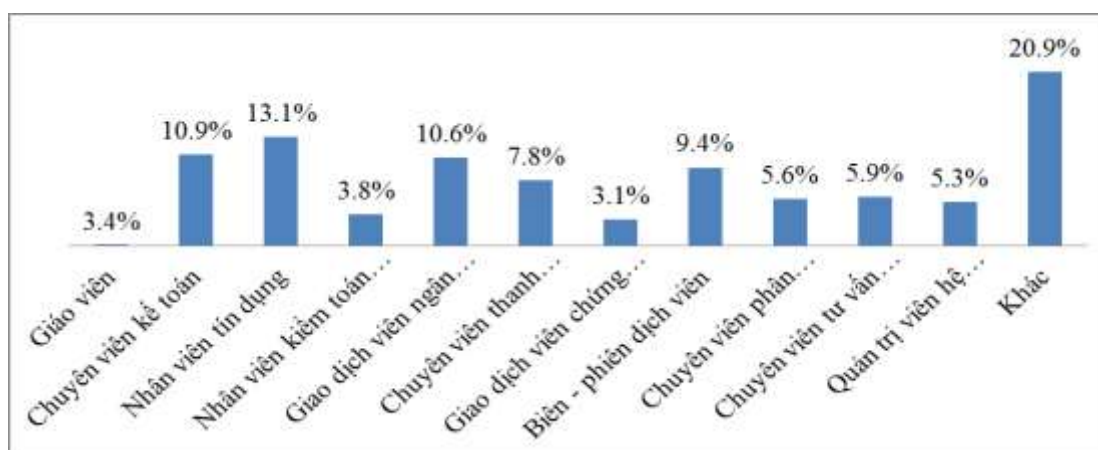
rõ ràng sẽ đi làm ngay khi tốt nghiệp Đại học (chiếm 69,7% trong tổng số mẫu), và sẽ vừa làm vừa học thêm (chiếm 25% trong tổng số mẫu). Qua đây thấy rằng, sinh viên đã xác định được con đường đi ở tương lai và lựa chọn cho mình một công việc cụ thể để phấn đấu và phát triển. Nhìn chung, định hướng sau khi tốt nghiệp Đại học sinh viên có rất nhiều lựa chọn khác nhau, trong đó lựa chọn phổ biến nhất của sinh viên trường Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh là đi làm.

Bảng 1.3: Dự định sau khi tốt nghiệp Đại học

Dự định	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Đi làm	223	69,7
Học lên cao học rồi mới đi làm	11	3,4
Vừa làm vừa học thêm	80	25,0
Chưa có dự định sau khi tốt nghiệp	4	1,2
Khác	2	,6
Total	320	100

Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Biểu đồ 1.1: Định hướng công việc tương lai

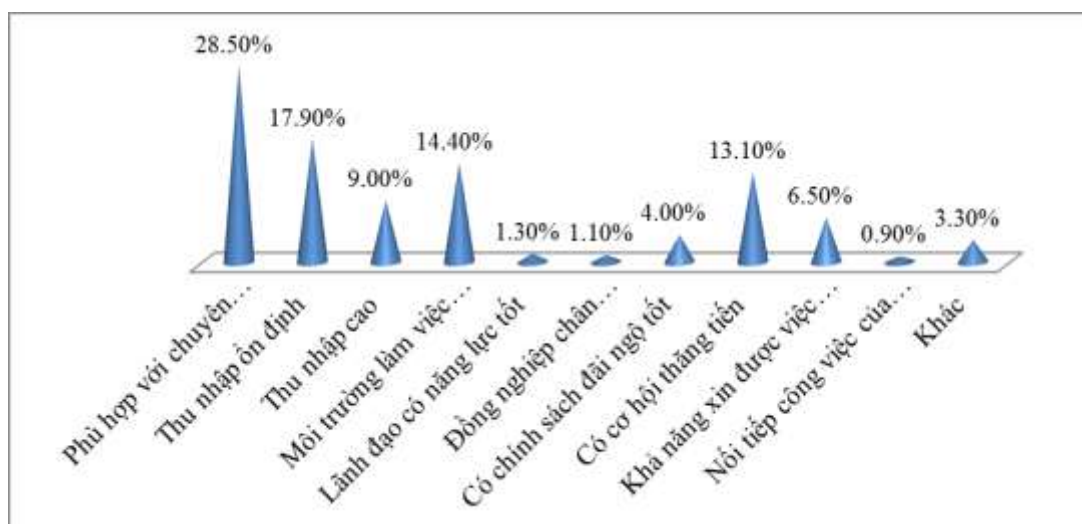


Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Qua khảo sát, sinh viên định hướng công việc tương lai phù hợp với những tiêu chí bản thân, sinh viên trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh chủ yếu được đào tạo về khối ngành kinh tế – kinh doanh nên sinh

viên lựa chọn công việc thiên về ngành mũi nhọn là tài chính – ngân hàng. Biểu đồ 1.2 cho thấy, sinh viên định hướng lựa chọn công việc tương lai dựa vào những tiêu chí như: phù hợp với chuyên môn được đào tạo (28,5%), thu nhập ổn định (17,9%) và môi trường làm việc chuyên nghiệp (14,4%),...

Biểu đồ 1.2: Tiêu chí lựa chọn công việc tương lai



Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

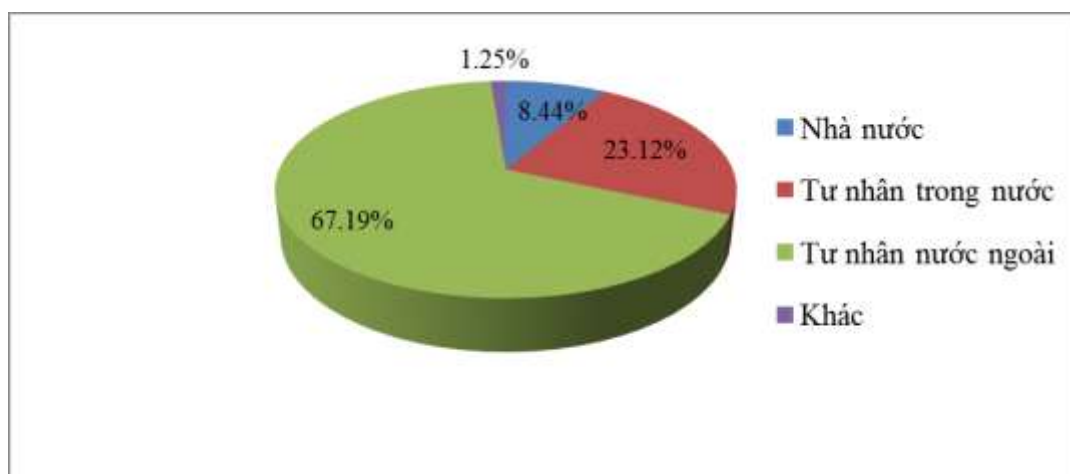
Trong ba tiêu chí được sinh viên đánh giá là lý do hàng đầu khi lựa chọn công việc tương lai, phù hợp với chuyên môn được đào tạo là tiêu chí rất quan trọng bởi lẽ được đào tạo sẽ nắm bắt được và thực hiện công việc tốt hơn; đồng thời, phù hợp với năng lực chuyên môn sẽ có cơ hội phát triển và chuyên sâu công tác hơn. Và thực tế theo kết quả khảo sát năm 2016 của trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh về tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp cho thấy, có trên 77% công việc cựu sinh viên đang đảm nhận là phù hợp với ngành đào tạo. Chính vì vậy, từ các khóa trước cho đến nay sinh viên đã có định hướng và nghiêm túc học tập để thực hiện định hướng công việc mà bản thân đặt ra.

2.2. Khu vực dự định làm việc trong tương lai

Qua biểu đồ 2.1 có thể thấy, đa số sinh viên được hỏi mong muốn được công tác thuộc loại hình tổ chức tư nhân nước ngoài chiếm 67,19%, tiếp đó là

loại hình tổ chức tư nhân trong nước (chiếm 23,12%) và rất ít sinh viên được hỏi mong muốn công tác thuộc loại hình tổ chức nhà nước. Chứng tỏ rằng, thế hệ trẻ là những con người năng động và muốn thử thách bản thân ở những môi trường làm việc đòi hỏi nhu cầu làm việc cao hơn, chuyên nghiệp hơn. Môi trường làm việc tư nhân nước ngoài, bên cạnh đòi hỏi phải có năng lực chuyên môn, cần có sức trẻ và “kỹ năng mềm”; Do đó, cơ hội làm việc trong khu vực kinh tế này được mở cửa đối với sinh viên vừa tốt nghiệp. Sở dĩ làm việc làm việc trong khu vực nhà nước rất ít sinh viên lựa chọn (8,44% trong tổng số mẫu điều tra) do mong muốn công tác ở môi trường chuyên nghiệp, năng động hơn; bên cạnh đó còn do yếu tố khách quan là tình hình hiện nay nhà nước đang có chủ trương tinh giản biên chế trong các cơ quan nhà nước; Vì vậy, sinh viên mới tốt nghiệp khó có cơ hội xin việc làm vào khu vực kinh tế nhà nước.

Biểu đồ 2.1: Mong muốn công tác trong khu vực kinh tế



Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Qua bảng 2.1 cho thấy, sinh viên các khoa đa số mong muốn công tác trong khu vực kinh tế tư nhân nước ngoài; ở khu vực kinh tế tư nhân trong nước chiếm tỷ lệ trung bình, còn ở khu vực nhà nước chiếm tỷ lệ rất ít, thậm chí có khoa kinh tế quốc tế và khoa quản trị kinh doanh không có sinh viên nào định hướng sẽ làm việc trong loại hình tổ chức kinh tế này.

Bảng 2.1: Tương quan giữa khoa đào tạo và mong muốn công tác thuộc khu vực kinh tế (%)

		Mong muốn công tác thuộc khu vực kinh tế				
		Nhà nước	Tư nhân trong nước	Tư nhân nước ngoài	Khác	Tổng
Khoa đào tạo	Tài chính	5,0	30,0	65,0	,0	100,0
	Ngân hàng	20,0	22,5	50,0	7,5	100,0
	Quản trị kinh doanh	,0	30,0	70,0	,0	100,0
	Kế toán kiểm toán	12,5	12,5	75,0	,0	100,0
	Ngoại ngữ	10,0	17,5	70,0	2,5	100,0
	Kinh tế quốc tế	,0	5,0	95,0	,0	100,0
	Luật kinh tế	10,0	37,5	52,5	,0	100,0
	Hệ thống TTQL	10,0	30,0	60,0	,0	100,0
Tổng		8,4	23,1	67,2	1,2	100,0

Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Một trong những lý do mà sinh viên lựa chọn làm việc trong khu vực kinh tế như trên là môi trường làm việc chuyên nghiệp chiếm 42,8% (*trong tổng số mẫu*) và công việc đó có thu nhập cao chiếm 32,8% (*trong tổng số mẫu*). Qua bảng 2.1, sinh viên mong muốn công tác trong khu vực kinh tế nhà nước chủ yếu vì lý do là công việc ổn định (96,3%), trong khi đó sinh viên mong muốn công tác trong khu vực kinh tế tư nhân nước ngoài với lý do môi

trường làm việc chuyên nghiệp (54,9%) và thu nhập cao (39,1%); còn đối với khu vực tư nhân trong nước sinh viên lựa chọn với các lý do xấp xỉ nhau như ổn định (45,9%), thu nhập cao (28,4%) và môi trường làm việc chuyên nghiệp (23%). Số liệu trên cho thấy, lý do lựa chọn làm việc trong khu vực kinh tế phù hợp với tính chất và đặc điểm của từng khu vực kinh tế mà sinh viên mong muốn công tác.

Bảng 2.2: Tương quan giữa mong muốn công tác trong khu vực kinh tế và lý do lựa chọn làm việc trong khu vực kinh tế (%)

		Lý do lựa chọn làm việc trong khu vực kinh tế				Tổng
		Ổn định	Thu nhập cao	Môi trường làm việc chuyên nghiệp	Khác	
Mong muốn công tác trong khu vực kinh tế	Nhà nước	96,3	,0	,0	3,7	100,0
	Tư nhân trong nước	45,9	28,4	23,0	2,7	100,0
	Tư nhân nước ngoài	5,1	39,1	54,9	,9	100,0
	Khác	25,0	,0	50,0	25,0	100,0
Tổng		22,5	32,8	42,8	1,9	100,0

Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Như vậy, các tiêu chí “môi trường làm việc chuyên nghiệp” và “thu nhập cao” là những tiêu chuẩn mà mỗi sinh viên luôn hướng tới, phấn đấu hoàn thiện bản thân về mọi mặt để đạt được. Hầu hết sinh viên khi được hỏi đều mong muốn môi trường làm việc chuyên nghiệp, môi trường đó có thể tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên phát huy được tối đa năng lực của mình và được hưởng mức thu nhập xứng đáng với mức cống hiến cho doanh

ng nghiệp. Người lao động nói chung và sinh viên sau khi tốt nghiệp nói riêng khi đi xin việc làm đều mong muốn tìm được một công việc có môi trường làm việc “chuyên nghiệp” như làm việc có kế hoạch, quy trình làm việc rõ ràng, thưởng phạt phân minh, có lãnh đạo tốt, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công việc hiện đại,... Và để thực hiện được mong muốn này sinh viên phải phát huy năng lực chuyên môn và “kỹ năng mềm” để thích nghi và đáp ứng được “môi trường làm việc chuyên nghiệp”. Bên cạnh đó, tiêu chí “thu nhập cao” được sinh viên lựa chọn khá cao khi mong muốn đi làm ở khu vực kinh tế tư nhân nước ngoài. Mức thu nhập của mỗi cá nhân là một trong những yếu tố rất quan trọng trong cuộc sống con người, thu nhập tác động trực tiếp đến mức sống cả về vật chất lẫn tinh thần. Chính vì vậy, ngay từ khi còn ngồi trên giảng đường đại học sinh viên luôn định hướng lựa chọn một công việc thu nhập cao sau khi tốt nghiệp đại học. Bởi thu nhập cao không những giúp sinh viên có cuộc sống tốt hơn mà còn có điều kiện để học tập nâng cao trình độ chuyên môn và bồi dưỡng nghiệp vụ để phục vụ cho công việc. Và thu nhập cao cũng khẳng định đó là sự trả công cho năng lực một cách chính xác và thiết thực nhất. Điều này phần nào thể hiện qua bảng 1.3 ở trên, sinh viên được hỏi đa số có dự định đi làm (69,7% trong tổng số mẫu khảo sát) và vừa học vừa học thêm (25% trong tổng mẫu khảo sát); chứng tỏ sinh viên có định hướng rất rõ ràng khi lựa chọn công việc, khu vực làm việc cũng như định hướng bước đường tương lai.

Tiểu kết Chương 2

Các số liệu điều tra phần nào đã làm rõ định hướng việc làm của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tốt nghiệp. Khi bắt đầu chọn ngành học, sinh viên lựa chọn theo tiêu chí sẽ có công việc của ngành học phù hợp với sở trường, đây là một ngành có thể kiếm nhiều tiền trong tương lai. Song, qua mấy năm học ở môi trường đại học, sự lựa

chọn của sinh viên lại theo hướng không quá chú trọng đến thu nhập cao mà có định hướng lựa chọn công việc tương lai theo hướng phù hợp với chuyên môn được đào tạo và điều đó thể hiện rõ nét khi sinh viên định hướng những công việc cụ thể liên quan tới ngành học. Theo khảo sát, dự định của đa phần sinh viên sau khi tốt nghiệp là đi làm. Đối với tiêu chí lựa chọn công việc, sinh viên trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh đề cao các tiêu chí: Phù hợp với chuyên môn được đào tạo, thu nhập ổn định và môi trường làm việc chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cũng cho thấy xu hướng tìm kiếm cơ hội việc làm trong khu vực Nhà nước không còn quá nặng nề như trong những giai đoạn trước, thay vào đó đa phần sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay lại muốn được làm việc trong khu vực kinh tế tư nhân nước ngoài. Qua đó thấy được rằng, sinh viên thường định hướng nghề nghiệp tương lai dựa vào ngành học được đào tạo. Hầu hết sinh viên mong muốn làm công việc đúng chuyên môn, phù hợp năng lực. Thực tế khảo sát cho thấy rằng, sinh viên ngay từ khi ngồi trên ghế đã có định hướng về nghề nghiệp tương lai của mình. Mỗi sinh viên có dự định riêng về công việc tương lai vì những lý do riêng. Mỗi sinh viên có những định hướng khác nhau, nhưng chung quy lại đều muốn có một nghề nghiệp ổn định và thu nhập tốt.

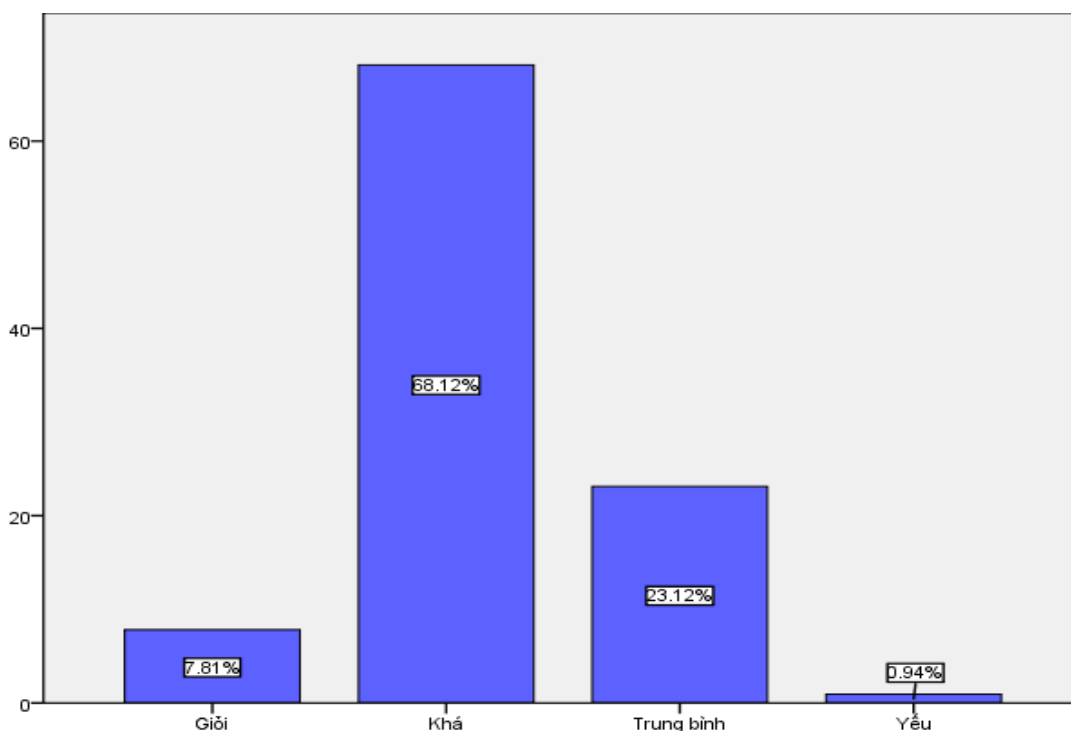
Chương 3

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỊNH HƯỚNG VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Yếu tố trường học

Một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên đó là yếu tố trường học và trong phạm vi đề tài nghiên cứu này, tác giả tập trung nghiên cứu định hướng của giảng viên, của nhà trường, câu lạc bộ đội nhóm và định hướng của bạn bè thân. Định hướng của nhà trường đối với sinh viên đó chính là sự định hướng trong tư duy và hành động cho sinh viên về học tập, về rèn luyện bản thân để sinh viên có thể đáp ứng được với nhu cầu của xã hội, đạt được mục tiêu mà nhà trường đã đề ra hay xa hơn đó chính là để sinh viên có thể xác định được vai trò và sứ mệnh của mình đối bản thân và đối với cộng đồng. Từ đó nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm của mình từ cả trong việc học tập cho đến việc làm của họ sau này. Và điều này thể hiện qua việc sinh viên đã xác định mục tiêu học tập đạt kết quả tốt nhằm lĩnh hội kiến thức đáp ứng nhu cầu công việc đòi hỏi trong tương lai. Cụ thể, có tới 68,12% sinh viên trong tổng số mẫu đạt kết quả học tập loại khá trong học kỳ gần nhất thời điểm được hỏi, 23,12% đạt kết quả học tập loại trung bình, 7,81% loại giỏi và chỉ có 0,94% thuộc loại yếu.

Biểu đồ 3.1: Kết quả học tập học kỳ 1 năm học 2017 - 2018



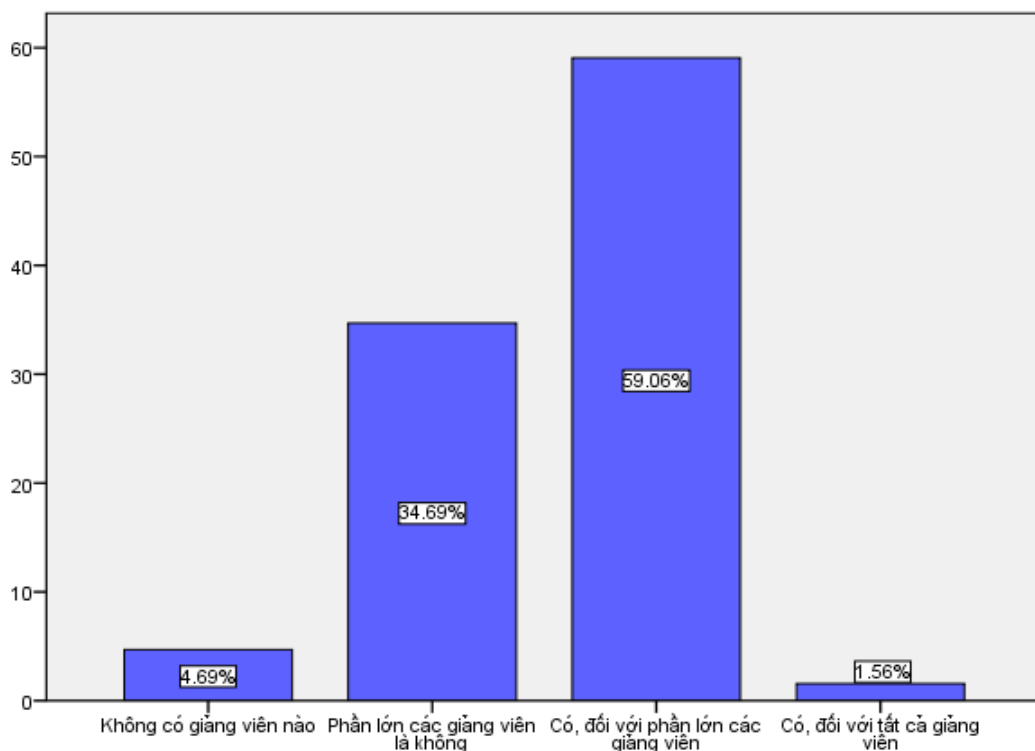
Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Định hướng của giảng viên

Bên cạnh đó, kết nối giữa giảng viên và người học chính là yếu tố tiên quyết ảnh hưởng đến kết quả của việc dạy học. Muốn để người học đam mê học tập và nghiên cứu thì điều quan trọng là người dạy phải đam mê với nghề dạy của mình, có đam mê thì giảng viên mới không ngừng nâng cao kiến thức, nhiệt huyết với công việc để có thể giúp sinh viên đạt được mục tiêu cao trong từng môn học, hình dung và định hướng phần nào về công việc tương lai. Không chỉ đơn thuần truyền đạt về kiến thức, quá trình đào tạo còn giúp sinh viên nâng cao các kỹ năng cần thiết để phục vụ cho công việc sau này. Một trong những kỹ năng đó là khả năng trình bày quan điểm. Phương pháp học truyền thống lấy giảng viên làm trung tâm thông qua việc thuyết giảng đã dần chuyển thành phương pháp học hiện đại với người học là trung tâm, ở đó sinh viên phải được khuyến khích để trình bày quan điểm của mình về các

vấn đề học thuật. Ngoài vai trò giảng dạy kiến thức và phát triển kỹ năng cho sinh viên thì giảng viên còn đóng một vai trò nữa rất quan trọng, mà có thể là quan trọng nhất đối với giảng viên đứng lớp đó là khả năng định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Theo kết quả khảo sát thì có đến 59,1% sinh viên trong tổng số mẫu cho rằng phần lớn các giảng viên phụ trách môn luôn định hướng nghề nghiệp tương lai cho sinh viên được lồng ghép trong giờ giảng, đồng thời cũng có 34,69% sinh viên cho rằng phần lớn giảng viên đứng lớp không đề cập đến việc định hướng công việc cho sinh viên, 4,69% là không có giảng viên nào và chỉ có 1,56% cho rằng tất cả giảng viên đều định hướng nghề nghiệp cho sinh viên khi giảng dạy. Vậy điều này cho thấy phương pháp giảng dạy của giảng viên đang là một yếu tố quan trọng trong việc tạo mục tiêu học tập cũng như định hướng công việc tương lai cho sinh viên.

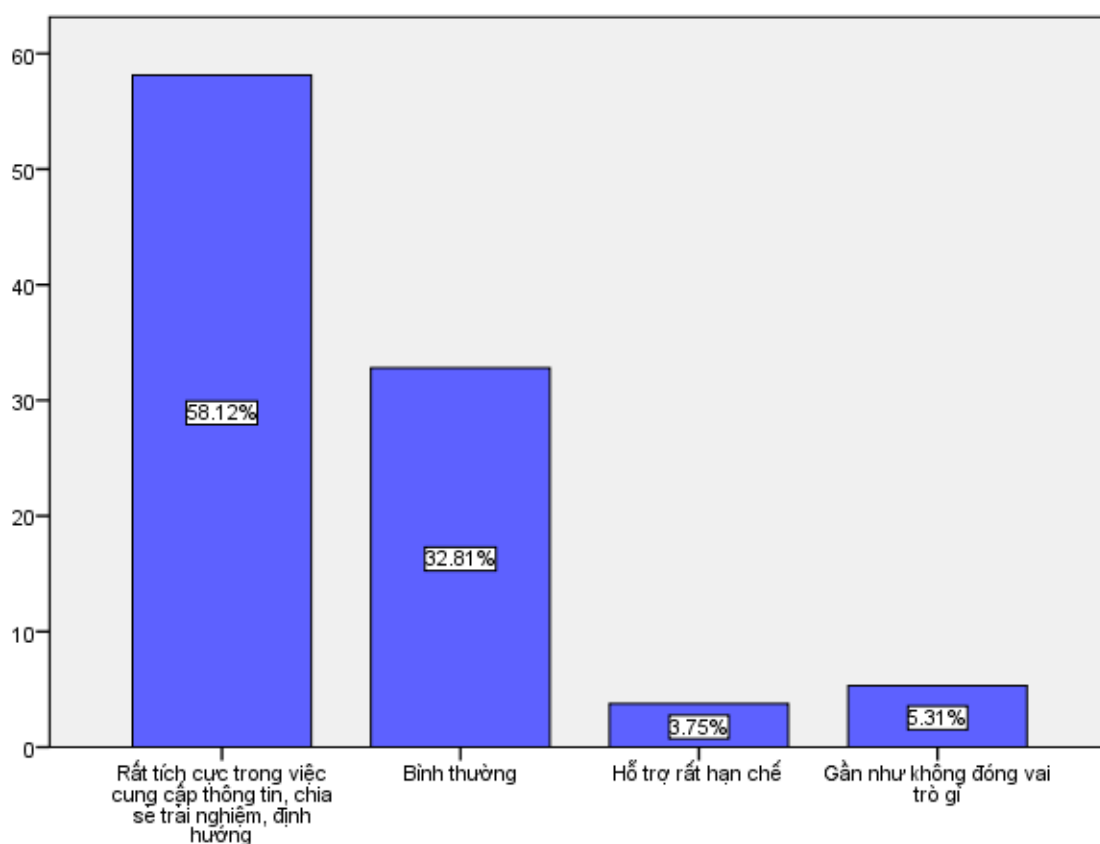
Biểu đồ 3.2: Định hướng nghề nghiệp của giảng viên phụ trách môn



Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Giảng viên cố vấn học tập được xem là người định hướng trực tiếp cho mọi suy nghĩ của sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện. Giảng viên cố vấn cũng là người nắm bắt được tốt nhất toàn bộ quá trình học tập, là người có nhiều trải nghiệm và luôn theo sát nhu cầu lao động của thị trường để có thể là người bạn tư vấn trực tiếp và hiệu quả nhất cho sinh viên. Giảng viên cố vấn cũng chính là cánh tay nối dài để truyền đạt và hiện thực hóa những định hướng và chính sách đào tạo của nhà trường cho sinh viên. Một vai trò khác cũng rất quan trọng của giảng viên cố vấn đối với sinh viên trong việc đào tạo học chế tín chỉ hiện nay đó là người tạo sự đoàn kết và nâng cao mối quan hệ cho sinh viên. Việc cố vấn học tập khác hoàn toàn với việc giảng dạy trên lớp, để giảng dạy trên lớp thì có thể giảng viên chỉ cần nắm vững chuyên môn mình được phân công và một số môn học liên quan, tuy nhiên để thực hiện công tác cố vấn thì yêu cầu giảng viên phải nắm chắc toàn bộ chương trình đào tạo để có thể tư vấn việc lựa chọn môn học cho sinh viên. Chính vì vậy, có thể thấy giảng viên cố vấn có vai trò rất quan trọng trong việc phổ biến về các quy định của nhà trường, định hướng việc học tập và đặc biệt là định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Qua khảo sát, có đến 58,12% trong tổng số mẫu cho rằng giảng viên cố vấn rất tích cực trong việc cung cấp thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, định hướng đối với sinh viên; 32,81% sinh viên cho rằng vai trò của giảng viên cố vấn ở mức bình thường, rất ít sinh viên được hỏi cho rằng giảng viên cố vấn gần như không đóng vai trò gì (5,31% trong tổng số mẫu). Có thể thấy, vai trò của giảng viên cố vấn rất quan trọng góp phần hình thành định hướng cho sinh viên và đã được sinh viên vẫn đánh giá rất tích cực.

Biểu đồ 3.3: Vai trò của Giảng viên cố vấn



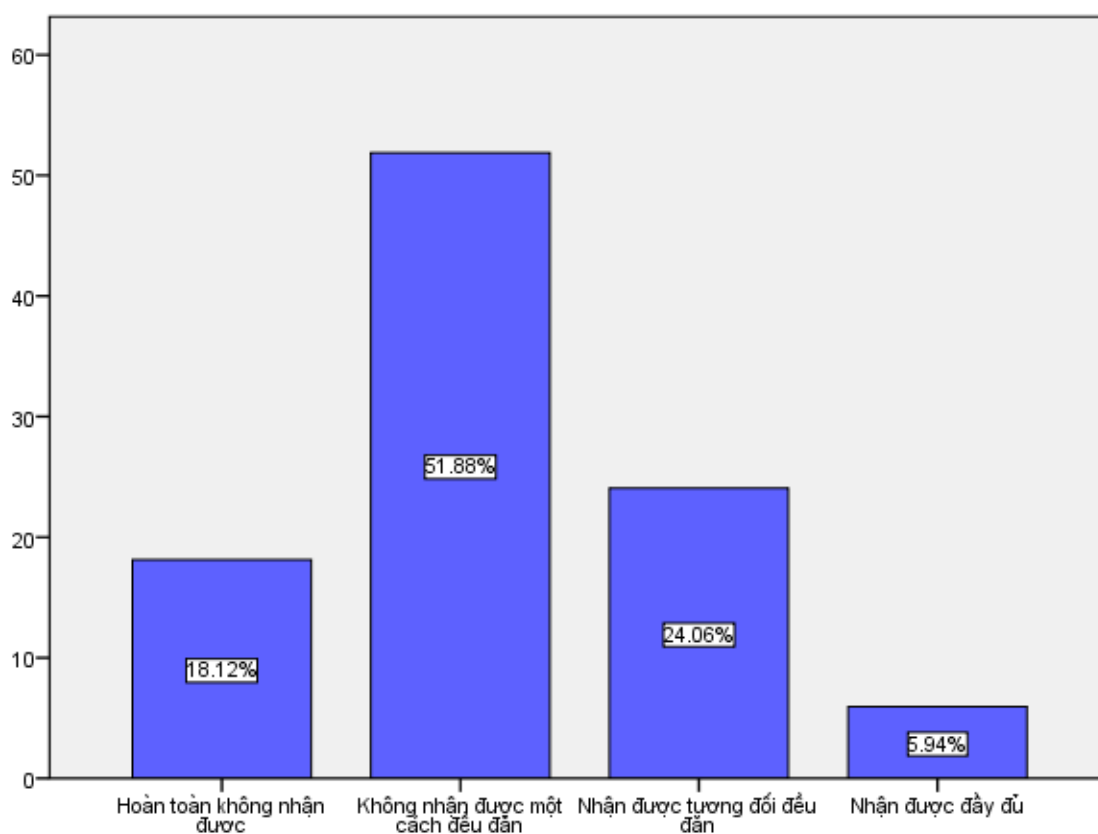
Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Định hướng của Nhà trường

Nhà trường có vai trò rất quan trọng trong việc định hướng cho sinh viên, không chỉ vậy nhà trường là nơi cung cấp dịch vụ giáo dục cho sinh viên hay cung cấp kiến thức nền tảng quan trọng nhất trong lĩnh vực sinh viên theo đuổi để sinh viên tự phát triển khả năng của mình. Bên cạnh đó, nhà trường là trung gian kết nối, tạo một vòng kết nối giữa nhà trường, sinh viên và nhà tuyển dụng. Kết quả khảo sát cho thấy, có 51,88% sinh viên cho rằng có nhận được sự định hướng của nhà trường về lựa chọn công việc tương lai nhưng không đều đặn, 24,06% cho rằng nhận được tương đối đều đặn. Qua cách nhìn nhận của sinh viên, nhà trường đã có vai trò tích cực trong việc định hướng nghề nghiệp trong tương lai cho sinh viên khi tạo điều kiện cho sinh

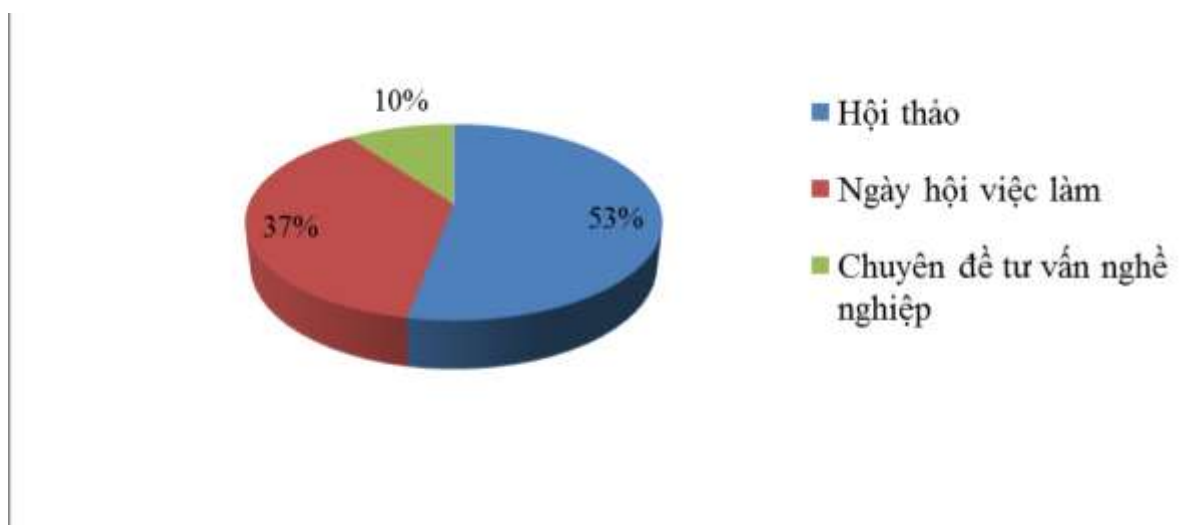
viên những hình thức tiếp cận, làm quen với công việc phù hợp ngành học. Cụ thể, ở biểu đồ 3.5, thực tế nhà trường đã có những hình thức định hướng nghề nghiệp cho sinh viên rất thiết thực như tổ chức các buổi hội thảo (53%), tổ chức thường niên sự kiện ngày hội việc làm (37%) và các chuyên đề tư vấn nghề nghiệp (10%). Các hoạt động thực tế này mang lại hiệu quả to lớn đối với bản thân mỗi sinh viên giúp họ có thể lựa chọn và tiếp cận được công việc tương lai phù hợp năng lực và chuyên môn được đào tạo.

Biểu đồ 3.4: Định hướng của Nhà trường trong lựa chọn công việc tương lai



Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018

Biểu đồ 3.5: Những hình thức định hướng của Nhà trường



Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

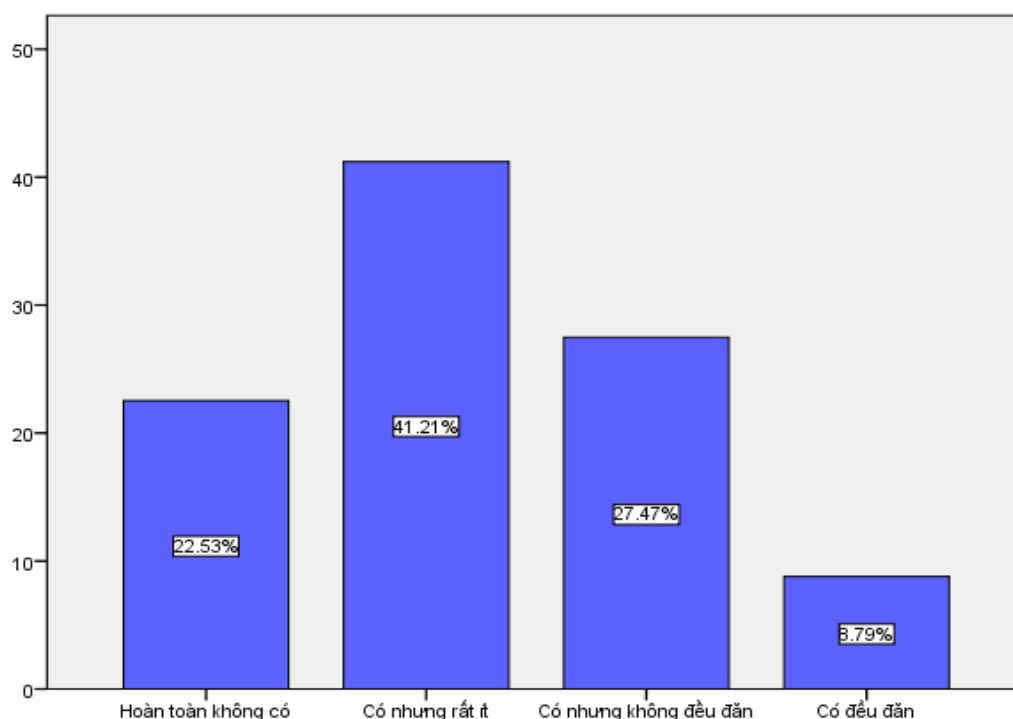
Định hướng của câu lạc bộ, đội, nhóm

Đối với môi trường câu lạc bộ, đội, nhóm là môi trường năng động để sinh viên tự học tập rèn luyện, là nơi giúp sinh viên đang học trải nghiệm thực tế các kiến thức được học vào các tình huống thực tế hay là một kênh quan trọng, duy nhất trong việc xây dựng mối quan hệ cho sinh viên giữa các sinh viên đang học, hay sinh viên đang học với cựu sinh viên trong giai đoạn học tín chỉ hiện nay. Hoạt động định hướng của các câu lạc bộ cũng là một vấn đề đáng quan tâm. Câu lạc bộ, đội, nhóm cũng chính là một kênh để nhà trường có thể gián tiếp tác động đến việc rèn luyện kỹ năng và hình thành phong cách chuyên nghiệp của sinh viên. Môi trường câu lạc bộ, đội, nhóm thường thoải mái và ít áp lực hơn so với môi trường học tập nên sinh viên có thể tự do thể hiện quan điểm với nhau, từ đó góp phần hình thành nhân sinh quan và thế giới quan ở từng sinh viên. Ở đó các sinh viên được các thế hệ sinh viên đi trước hướng dẫn và chia sẻ kinh nghiệm từ các vấn đề công việc cho đến việc lựa chọn công việc. Tỷ lệ sinh viên tham gia các câu lạc bộ, đội, nhóm khá cao 56,25%, điều này cho thấy rằng sinh viên đã có sự năng động về các hình thức hoạt động rèn luyện trong quá trình học tập. Tuy nhiên vẫn có tới

43,75% sinh viên không tham gia các câu lạc bộ, đội, nhóm, phản ánh rằng số lượng sinh viên còn e dè và ngại tham gia các hoạt động chung để học hỏi thêm kỹ năng còn chiếm khá đông.

Sự đóng góp lớn nhất cho việc hình thành các kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên đó chính là sự đóng góp từ các hoạt động các câu lạc bộ, đội, nhóm trong môi trường đại học. Bên cạnh đó, các câu lạc bộ, đội, nhóm cũng đóng vai trò quan trọng khi phần nào đó giúp sinh viên xác định được công việc tương lai. Qua biểu đồ 3.6 có thể thấy, các câu lạc bộ, đội, nhóm có định hướng cho sinh viên nhưng ở mức độ chưa cao 41,21% trong tổng số mẫu được hỏi (có định hướng nhưng rất ít), 27,47% (có định hướng nhưng không đều đặn), 22,53% (hoàn toàn không có) và 8,79% (có định hướng đều đặn).

Biểu đồ 3.6: Định hướng của các CLB, đội, nhóm trong xác định công việc tương lai

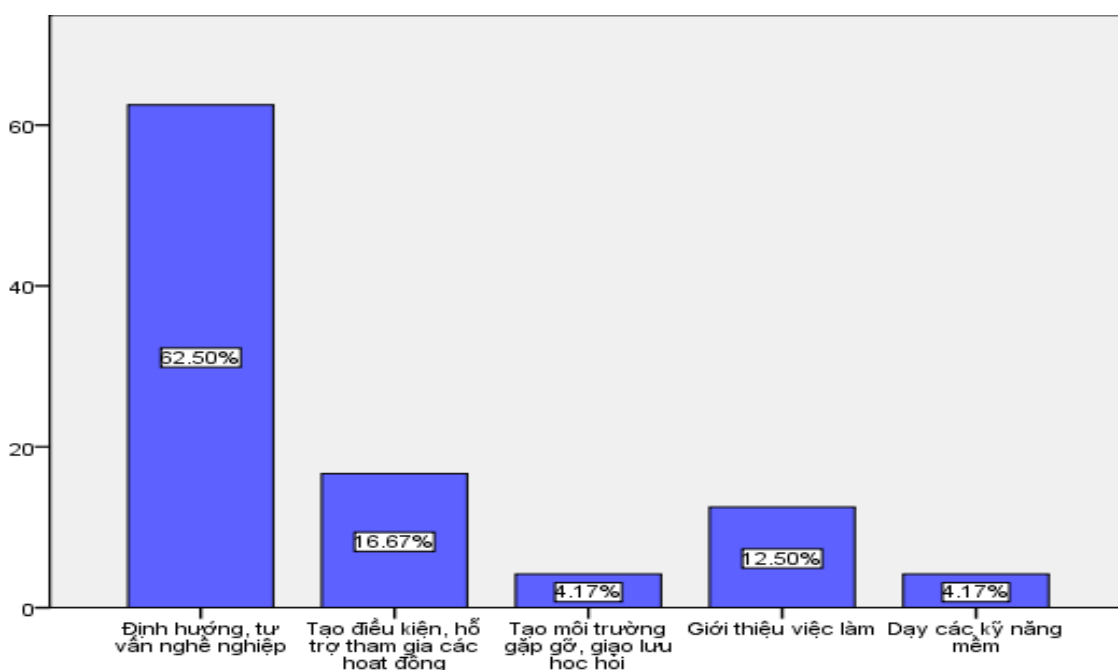


Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Qua khảo sát, những hình thức giúp đỡ, định hướng của các câu lạc bộ,

đội, nhóm chiếm tỷ lệ cao nhất là định hướng, tư vấn nghề nghiệp (62,5% trong tổng số mẫu khảo sát), tạo điều kiện, hỗ trợ tham gia các hoạt động (16,67% trong tổng số mẫu khảo sát); dạy các kỹ năng mềm và tạo môi trường gặp gỡ giao lưu học hỏi chiếm tỷ lệ thấp (đều là 4,17%). Qua đây thấy rằng, các câu lạc bộ, đội, nhóm có vai trò giúp đỡ sinh viên trong việc định hướng và tư vấn nghề nghiệp để sinh viên có thể xác định lựa chọn công việc trong tương lai phù hợp ngành học. Song, các hoạt động giao lưu học hỏi và kỹ năng mềm cần phải được chú trọng hơn nữa.

Biểu đồ 3.7: Những giúp đỡ cụ thể của các CLB, đội, nhóm



Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

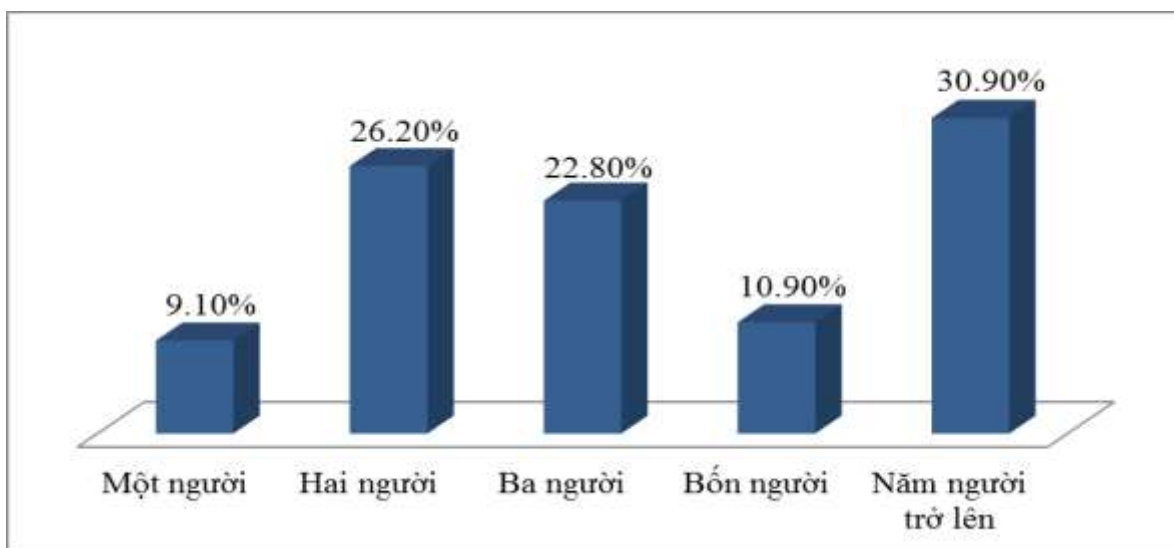
Vai trò của câu lạc bộ không chỉ dừng lại ở tạo môi trường cho sinh viên đang học rèn luyện mà còn là cầu nối tạo điều kiện cho các sinh viên đã ra trường quay trở lại hoạt động cùng sinh viên đang học, thông qua các buổi chia sẻ, nghiên cứu và giải trí, điều này có ý nghĩa rất lớn cho cả sinh viên đang học và cựu sinh viên. Bởi đối với sinh viên đang học sẽ có cơ hội tìm

hiểu về công việc thực tế, cũng như những kinh nghiệm cần thiết và quan trọng từ công việc, cuộc sống mà sinh viên đang học tại trường khó có được. Còn đối với sinh viên đã ra trường thì câu lạc bộ tại trường là một nơi mà giúp cựu sinh viên có thể là tìm lại niềm đam mê, lấy lại động lực trong cuộc sống hay là một nơi có thể tạo cơ hội việc làm, cơ hội giải quyết các vấn đề cuộc sống cho nhau. Hiện nay, có rất ít câu lạc bộ có sự tham gia thường xuyên của cựu sinh viên và cũng chưa có một câu lạc bộ giành cho sinh viên đã ra trường kết nối với nhau. Sinh viên tham gia hoạt động của câu lạc bộ thường không thể duy trì sau khi ra trường.

Định hướng của bạn bè thân

Hầu hết sinh viên đều có những ước mơ, hoài bão và đây là tiền đề cho lựa chọn công việc trong tương lai. Mỗi sinh viên khi định hướng nghề nghiệp tương lai sẽ có những yếu tố khách quan cũng như chủ quan, và trong đó bạn bè thân là một trong những yếu tố đó ảnh hưởng đến bản thân mỗi sinh viên.

Biểu đồ 3.8: Số người bạn thân



Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Cụ thể qua biểu đồ 3.8, sinh viên có số lượng bạn thân năm người trở lên chiếm tỷ lệ cao 30,9% trong tổng số mẫu khảo sát; đa phần sinh viên đều

có hai người bạn thân trở lên. Điều này, phản ánh rằng môi trường đại học sinh viên học xa nhà nên thường kết bạn bè để chia sẻ kinh nghiệm học tập, trao đổi tâm tư trong cuộc sống. Chính vì vậy qua bảng 3.1 cho thấy, bạn bè thân có ảnh hưởng đến quá trình định hướng nghề nghiệp tương lai khi ngồi trên ghế nhà trường. Chỉ có 31,6% sinh viên trả lời hoàn toàn không có ảnh hưởng của bạn bè thân đến định hướng lựa chọn công việc tương lai, còn lại 44,1%, 23,4% và 0,9% trong tổng số mẫu khảo sát đều có sự ảnh hưởng của bạn bè thân từ mức độ ít đến nhiều. Những lời khuyên của bạn bè thân về lựa chọn công việc tương lai là công việc có nhiều cơ hội phát triển (chiếm 46,6% trong tổng số mẫu khảo sát).

Bảng 3.1: Ảnh hưởng của bạn bè thân đến định hướng lựa chọn công việc tương lai

	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Hoàn toàn không	101	31,6
Có nhưng rất ít	141	44,1
Có	75	23,4
Rất nhiều	3	0,9
Tổng	320	100,0

Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

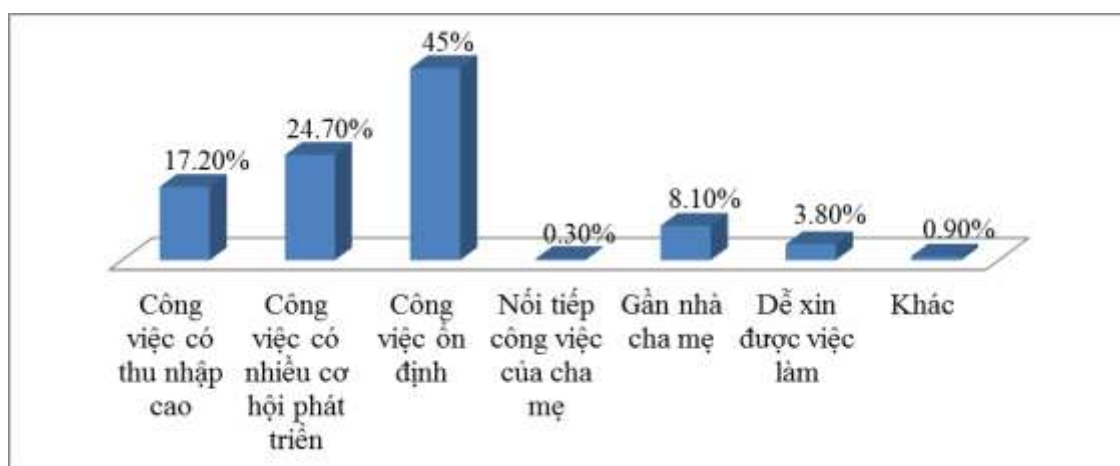
3.2. Yếu tố gia đình

Gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai. Cha mẹ, anh chị là những người đi trước, hiểu được tính cách và biết thế nào là tốt cho con cái. Vì vậy, họ sẽ có những lời gợi ý, lời khuyên chính xác cho nghề nghiệp của con cái trong tương lai. Bên cạnh đó, thực tế có thể thấy, khá nhiều người bị ảnh hưởng bởi truyền thống gia đình. Ví dụ như, trong gia đình có người làm giáo viên, bác sĩ, công an, ngân hàng,... thì thế hệ sau thường yêu thích những nghề nghiệp đó từ khi còn bé. Phần lớn sinh viên được hỏi đã từng hỏi ý

kiến của cha mẹ về công việc dự định sẽ làm sau khi tốt nghiệp (68,8%), chỉ có 31,2% sinh viên chưa từng hỏi ý kiến của cha mẹ. Qua số liệu này thấy rằng, sinh viên rất coi trọng ý kiến của cha mẹ về công việc và cha mẹ có ảnh hưởng rất quan trọng đến dự định công việc tương lai của mỗi sinh viên.

Bậc làm cha làm mẹ luôn mong muốn con cái học hành tới nơi tới chốn và có công việc phù hợp với bản thân. Kết quả khảo sát cho thấy, đa số cha mẹ định hướng cho con cái mình lựa chọn công việc tương lai sau khi tốt nghiệp có công việc ổn định (45% tổng số mẫu), 24,7% là công việc có nhiều cơ hội phát triển, sau đó mới tính đến công việc có thu nhập cao (17,2%). Với xã hội phát triển như hiện nay, quan điểm làm gần nhà cha mẹ, nối tiếp công việc của cha mẹ hay công việc dễ xin không còn là vấn đề quá quan trọng và đặt nặng lên sự lựa chọn của con cái nữa. Nhu cầu công việc của xã hội đòi hỏi những con người có năng lực chuyên môn, linh hoạt và dễ thích nghi với mọi môi trường công tác chứ không phải rập khuôn và làm việc một cách máy móc.

Biểu đồ 3.9: Định hướng của cha mẹ trong lựa chọn công việc tương lai



Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Qua bảng 3.2 cho thấy rằng, hầu hết các bậc làm cha làm mẹ đều định hướng cho con cái lựa chọn công việc ổn định, có nhiều cơ hội phát triển và có thu

nhập cao. Trong đó, gia đình có mức thu nhập bình quân dưới 2 triệu định hướng cho con cái lựa chọn công việc ổn định trong tương lai chiếm 100% tổng mẫu khảo sát; riêng gia đình có thu nhập bình quân đầu người từ 5 – dưới 10 triệu mỗi tháng có đến 12,5% cha mẹ định hướng con cái lựa chọn công việc tương lai gần nhà cha mẹ. Qua đây cho thấy, mức thu nhập của gia đình cũng phần nào ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn công việc trong tương lai như gia đình thu nhập ở mức trung bình lại ngoài định hướng con cái lựa chọn công việc ổn định, có cơ hội phát triển và thu nhập cao thì họ mong muốn con làm việc gần nhà, còn gia đình thu nhập thấp lại mong muốn con có công việc ổn định.

Bảng 3.2: Tương quan giữa thu nhập bình quân đầu người của gia đình và định hướng của cha mẹ trong lựa chọn công việc tương lai (%)

		Định hướng của cha mẹ trong lựa chọn công việc tương lai							Tổng
		Công việc có thu nhập cao	Công việc có nhiều cơ hội phát triển	Công việc ổn định	Nổi tiếp công việc của cha mẹ	Gần nhà cha mẹ	Dễ xin được việc làm	Khác	
Thu nhập trung bình đầu người mỗi tháng của gia đình (đồng)	Dưới 2 triệu	,0	,0	100,0	,0	,0	,0	,0	100,0
	Từ 2 – dưới 5 triệu	15,5	26,8	45,8	,0	5,6	5,6	,7	100,0
	Từ 5 – dưới 10 triệu	18,4	23,5	41,9	,7	12,5	1,5	1,5	100,0
	Từ 10 triệu trở lên	13,0	34,8	43,5	,0	,0	8,7	,0	100,0
Tổng		16,5	25,7	44,2	,3	8,3	4,0	1,0	100,0

Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Qua khảo sát, thu nhập bình quân của gia đình những sinh viên được

hỏi ở mức từ 2 triệu đến dưới 10 triệu và nghề nghiệp của cha mẹ sinh viên phần lớn làm nghề nông; điều này lý giải vì sao đa số cha mẹ của sinh viên trong mẫu khảo sát không định hướng cho con cái họ nối tiếp công việc của cha mẹ; Thấy rằng, với nghề nghiệp và mức thu nhập hiện tại của gia đình, cha mẹ mong muốn con cái họ có công việc ổn định và cố gắng tự bản thân lựa chọn công việc có nhiều cơ hội phát triển và thu nhập cao vì rằng công việc mà dễ dàng xin được có lẽ sẽ không mang lại sự kỳ vọng như họ mong muốn ở con cái.

Bảng 3.3: Tương quan giữa chỗ ở hiện nay của gia đình và định hướng của cha mẹ trong lựa chọn công việc tương lai (%)

		Định hướng của cha mẹ trong lựa chọn công việc tương lai của bạn							Tổng
		Công việc có thu nhập cao	Công việc có nhiều cơ hội phát triển	Công việc ổn định	Nối tiếp công việc của cha mẹ	Gần nhà cha mẹ	Dễ xin được việc làm	Khác	
Chỗ ở hiện nay của gia đình	Đô thị đồng bằng	18,0	27,9	43,4	,8	7,4	2,5	,0	100,0
	Nông thôn đồng bằng	12,8	15,4	51,3	,0	12,8	5,1	2,6	100,0
	Đô thị miền núi	27,0	35,1	27,0	,0	5,4	5,4	,0	100,0
	Nông thôn miền núi	18,2	31,8	47,7	,0	,0	2,3	,0	100,0

		Định hướng của cha mẹ trong lựa chọn công việc tương lai của bạn							Tổng
		Công việc có thu nhập cao	Công việc có nhiều cơ hội phát triển	Công việc ổn định	Nối tiếp công việc của cha mẹ	Gần nhà cha mẹ	Dễ xin được việc làm	Khác	
Chỗ ở hiện nay của gia đình	Đô thị đồng bằng	18,0	27,9	43,4	,8	7,4	2,5	,0	100,0
	Nông thôn đồng bằng	12,8	15,4	51,3	,0	12,8	5,1	2,6	100,0
	Đô thị miền núi	27,0	35,1	27,0	,0	5,4	5,4	,0	100,0
	Nông thôn miền núi	18,2	31,8	47,7	,0	,0	2,3	,0	100,0
Tổng		17,2	24,7	45,0	,3	8,1	3,8	,9	100,0

Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Bảng 3.3 trên cho thấy, đa số các gia đình ở các vùng miền đều định hướng cho con cái lựa chọn công việc ổn định, có nhiều cơ hội phát triển và thu nhập. Chiếm tỷ lệ rất ít 0,8% là định hướng cho con cái lựa chọn công việc tương lai nối tiếp công việc của cha mẹ và tập trung vào những gia đình sống ở đô thị đồng bằng; riêng đối với những gia đình sống ở vùng nông thôn đồng bằng có tới 12,8% cha mẹ định hướng con lựa chọn công việc tương lai gần nơi sinh sống của cha mẹ.

Bảng 3.4: Tương quan giữa chỗ ở hiện nay của gia đình và dự định công việc tương lai của sinh viên (%)

		Dự định về công việc tương lai												Tổng
		GV	CV kế toán	NV tín dụng	NV KTnội bộ	Giao dịch viên NH	CV thanh toán QT	Giao dịch viên CK	Biên, phiên dịch viên	CV phân tích TC	CV tur vấn đầu tur	Quản trị viên HT TT	Khác	
Chỗ ở hiện nay của gia đình	Đô thị đồng bằng	5,7	5,7	9,8	4,9	11,5	3,3	2,5	15,6	5,7	4,1	8,2	23,0	100,0
	Nông thôn đồng bằng	,9	15,4	16,2	4,3	7,7	9,4	4,3	6,0	6,0	6,0	4,3	19,7	100,0
	Đô thị miền núi	2,7	,0	21,6	,0	8,1	16,2	2,7	,0	5,4	2,7	2,7	37,8	100,0
	Nông thôn miền núi	4,5	22,7	6,8	2,3	18,2	9,1	2,3	9,1	4,5	13,6	2,3	4,5	100,0
Tổng		3,4	10,9	13,1	3,8	10,6	7,8	3,1	9,4	5,6	5,9	5,3	20,9	100,0

Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018

Qua bảng 3.4, tuy ở những vùng miền khác nhau nhưng hầu như sinh viên đều lựa chọn công việc tương lai rất đa dạng, nhiều công việc khác nhau chứ không thiên về một công việc nào; cho thấy rằng, chỗ ở của gia đình không ảnh hưởng đến định hướng công việc tương lai của sinh viên.

Bảng 3.5: Gợi ý của cha mẹ về công việc cụ thể

Gợi ý công việc	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Giáo viên	9	2.8
Nhân viên kế toán	11	3.4
Nhân viên kiểm toán nội bộ	6	1.9
Giao dịch viên ngân hàng	18	5.6
Chuyên viên thanh toán quốc tế	2	.6
Biên - phiên dịch viên	2	.6
Quản trị viên hệ thống thông tin	2	.6
Khác	8	2.5
Tổng	58	18.1

Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Qua bảng 3.5 cho thấy rằng, chỉ có 58 tổng số mẫu (trong 320 tổng số mẫu khảo sát) có trả lời là gợi ý của cha mẹ về một công việc cụ thể trong tương lai. Và trong tổng mẫu trả lời (18,1%), công việc được cha mẹ gợi ý là giao dịch viên ngân hàng (5,6%), nhân viên kế toán (3,4%) và giáo viên (2,8%). Kết quả này nói lên rằng, cha mẹ thường định hướng cho con cái theo các tiêu chí như: công việc ổn định, thu nhập cao hay có nhiều cơ hội phát triển,... chứ ít khi định hướng theo một công việc cụ thể nào.

Qua bảng 3.6 cho thấy, sinh viên nhận được thông tin về công việc tương lai từ gia đình chỉ chiếm 10,6% tổng mẫu khảo sát; chứng tỏ vai trò của cha mẹ trong việc cung cấp thông tin về công việc tương lai của con cái chưa cao.

Bảng 3.6: Tiếp cận thông tin về công việc tương lai

Tiếp cận thông tin về công việc tương lai	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Từ gia đình	91	10.6
Từ bạn bè	142	16.6
Từ giảng viên	141	16.4
Từ các phòng, ban Nhà trường	35	4.1
Từ rơi	11	1.3
Hội chợ việc làm	45	5.2
Từ các trang mạng xã hội (LinkedIn, facebook, ...)	250	29.1
Tivi, báo, đài	68	7.9
Từ các anh, chị cựu sinh viên	73	8.5
Khác	2	.2
Tổng	858	100.0

Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

3.3. Yếu tố cá nhân

Việc lựa chọn ngành nghề sao cho phù hợp thật không hề dễ dàng gì. Do vậy, rất nhiều sinh viên ra trường không có việc làm, phải đi làm trái ngành hay có nhiều người làm việc không cảm thấy hứng thú vì họ không yêu thích công việc mà họ đã lựa chọn. Chính vì thế, bản thân mỗi sinh viên phải có mục tiêu rõ ràng khi định hướng công việc tương lai của mình phù hợp nhất đối với bản thân như: lựa chọn nghề nghiệp tương lai do sở thích, bởi công việc xuất phát từ niềm đam mê, sự yêu thích đem lại hứng thú khi làm việc. Song bên cạnh đó, đôi khi sở thích là một phần nhưng năng lực lại ở một khía cạnh khác mà mỗi sinh viên cũng cần xem xét khi định hướng nghề nghiệp tương lai. Lựa chọn công việc đúng sở thích song cũng đòi hỏi phải

phù hợp năng lực bản thân mới công hiến và đạt được hiệu quả tốt nhất cho công việc đó.

Bảng 3.7: Tương quan giữa giới tính và dự định về công việc tương lai (%)

		Dự định về công việc tương lai												
		GV	CV kế toán	NV tín dụng	NV KT nội bộ	Giao dịch viên NH	CV thanh toán QT	Giao dịch viên CK	Biên, phiên dịch viên	CV phân tích TC	CV tư vấn đầu tur	Quản trị viên	Khác	Tổng
Giới tính	Nam	3,7	6,4	19,3	3,7	7,3	10,1	,9	9,2	9,2	9,2	9,2	11,9	100,0
	Nữ	3,3	13,3	9,5	3,8	12,3	6,6	4,3	9,5	4,3	4,3	3,3	25,6	100,0
Tổng		3,4	10,9	12,8	3,8	10,6	7,8	3,1	9,4	5,9	5,9	5,3	20,9	100,0

Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Qua bảng 3.7 về tương quan giữa giới tính và dự định công việc tương lai thấy rằng, có những ngành thể hiện rõ rệt sự khác biệt giới tính có ảnh hưởng đến quá trình định hướng cũng như công việc tương lai như ngành kế toán chỉ có 6,4% giới tính nam (trong tổng mẫu khảo sát giới tính nam) lựa chọn, trong khi đó có tới 13,3% giới tính nữ (trong tổng mẫu khảo sát giới tính nữ) lựa chọn công việc này trong tương lai. Trong khi đó, nhân viên tín dụng là công việc tương lai được khá nhiều nam sinh viên lựa chọn (19,3% trong tổng số mẫu giới tính nam) và chỉ có 9,5% nữ sinh viên lựa chọn (trong tổng mẫu giới tính nữ). Tương tự, công việc giao dịch viên ngân hàng và giao dịch viên chứng khoán cũng được sinh viên nữ lựa chọn nhiều hơn sinh viên nam trong tổng số mẫu khảo sát. Trong khi đó, các ngành như quản trị viên hệ thống thông tin, chuyên viên thanh toán quốc tế, chuyên viên tư vấn đầu tư, chuyên viên phân tích tài chính lại có xu hướng thiên về sự lựa chọn của sinh viên nam. Điều này chứng tỏ, sinh viên nữ dự định công việc tương lai đòi hỏi

sự tỉ mỉ và thiên về giao tiếp nhiều hơn sinh viên nam; ngược lại, sinh viên nam lựa chọn công việc liên quan đến sự chuẩn xác cao và khả năng bao quát tốt.

Bảng 3.8: Tương quan giữa các khoa đào tạo với dự định công việc tương lai (%)

		Dự định về công việc tương lai												
		GV	CV kế toán	NV tín dụng	NV KT nội bộ	Giao dịch viên NH	CV thanh toán QT	Giao dịch viên CK	Biên, phiên dịch viên	CV phân tích TC	CV tư vấn đầu tư	Quản trị viên HTTT	Khác	Tổng
Khoa đào tạo	TC	,0	10,0	30,0	,0	10,0	,0	10,0	,0	27,5	7,5	,0	5,0	100,0
	NH	,0	2,5	25,0	,0	42,5	10,0	5,0	,0	7,5	5,0	,0	2,5	100,0
	QTKD	,0	,0	27,5	,0	10,0	2,5	,0	5,0	7,5	22,5	7,5	17,5	100,0
	KTKT	,0	67,5	2,5	27,5	,0	,0	,0	,0	2,5	,0	,0	,0	100,0
	Ngoại ngữ	20	,0	,0	2,5	15,0	5,0	,0	42,5	,0	2,5	,0	12,5	100,0
	KTQT	,0	,0	15,0	,0	,0	42,5	5,0	10,0	,0	,0	,0	27,5	100,0
	Luật KT	2,5	,0	2,5	,0	7,5	2,5	2,5	12,5	,0	5,0	,0	65,0	100,0
	HTTT QL	5,0	7,5	,0	,0	,0	,0	2,5	5,0	2,5	5,0	35,0	37,5	100,0
Tổng		3,4	10,9	12,8	3,8	10,6	7,8	3,1	9,4	5,9	5,9	5,3	20,9	100,0

Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Đồng thời, cũng có thể thấy sinh viên khi lựa chọn ngành học ban đầu như thế nào thường sẽ có xu hướng lựa chọn công việc trong tương lai phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Điều này thể hiện ở bảng 3.8, nhìn chung sinh viên có dự định về công việc tương lai phần lớn dựa vào tiêu chí phù hợp chuyên môn đào tạo, cụ thể: khoa Tài chính sinh viên dự định công việc tương lai là nhân viên tín dụng (30%) và chuyên viên phân tích tài chính (27,5%); sinh viên khoa Ngân hàng dự định công việc tương lai chủ yếu là nghề giao dịch viên ngân hàng (42,5%) và nhân viên tín dụng (25%); sinh viên khoa Quản trị kinh doanh lựa chọn công việc tương lai chủ yếu vào các nghề như nhân viên tín dụng (27,5%) và chuyên viên tư vấn đầu tư (22,5%),

sinh viên khoa Kế toán – kiểm toán dự định công việc tương lai là chuyên viên kế toán (67,5%) và nhân viên kiểm toán nội bộ (27,5%). Sinh viên khoa Ngoại ngữ dự định công việc tương lai tập trung chủ yếu vào nghề biên – phiên dịch viên (42,5%) và giáo viên (20%). Đối với sinh viên khoa Kinh tế quốc tế dự định công việc tương lai lựa chọn đa số là chuyên viên thanh toán quốc tế (42,5%). Khoa Hệ thống thông tin quản lý có sự lựa chọn công việc tương lai hết sức rõ rệt về đặc thù của ngành học đó là công việc quản trị viên hệ thống thông tin (35%). Riêng với sinh viên khoa Luật kinh tế, do ngành học có nhiều cơ hội làm việc ở nhiều công việc khác nhau, nên sự lựa chọn của sinh viên Khoa này rải rác ở tất cả các ngành nghề chứ không lựa chọn tập trung vào một công việc nào.

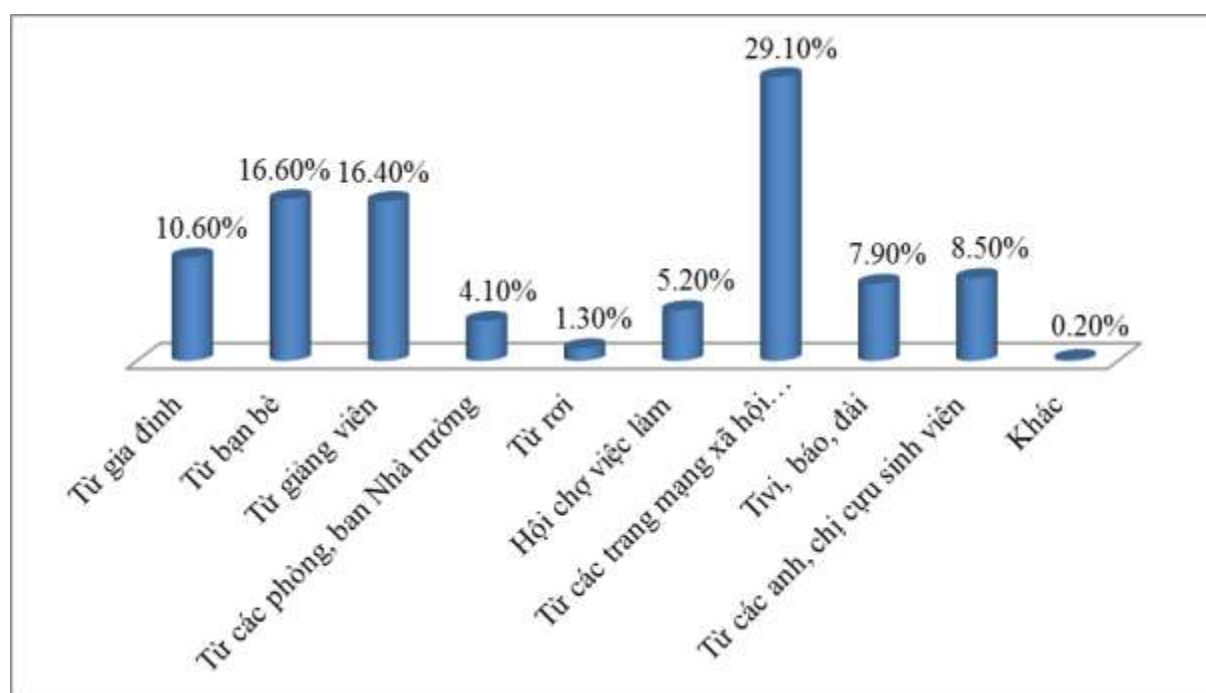
Qua biểu đồ 1.2 ở trên, quan niệm của sinh viên khi định hướng cho bản thân một công việc sau khi tốt nghiệp đại học vẫn luôn được đề cao là tiêu chí phù hợp với chuyên môn được đào tạo (28,5%) và có thu nhập ổn định (17,9%); đây dường như cũng là tiêu chí chọn việc làm của sinh viên nói chung và sinh viên trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Bên cạnh đó, sinh viên luôn mong muốn tìm được công việc có môi trường làm việc chuyên nghiệp (14,4%) và có cơ hội thăng tiến (13,1%). Chính vì bản thân có những mong muốn khi lựa chọn công việc tương lai nên đa số sinh viên có mong muốn được làm việc trong khu vực kinh tế tư nhân nước ngoài (67,19%) để có thể làm việc đạt được những tiêu chí đặt ra khi định hướng nghề nghiệp.

Bản thân mỗi sinh viên luôn tìm kiếm, tiếp cận thông tin liên quan đến công việc dự định sẽ làm trong tương lai. Khi được hỏi, số lượng sinh viên trả lời có nhận được thông tin liên quan đến công việc tương lai chiếm tỷ lệ tương đối cao 73,8% (trong tổng số mẫu khảo sát); sinh viên trả lời không nhận được bất cứ thông tin gì liên quan đến công việc tương lai chiếm tỷ lệ

thấp 26,2% (trong tổng số mẫu khảo sát). Qua đây thấy rằng, yếu tố tích cực khi sinh viên đã quan tâm và có định hướng rõ ràng về công việc tương lai cũng như nguồn gốc thông tin mà sinh viên có thể tiếp cận được.

Phần lớn sinh viên được nhận thông tin liên quan đến công việc tương lai thông qua nhiều kênh khác nhau, trước hết là tìm kiếm, tiếp cận thông tin liên quan tới công việc tương lai từ các trang mạng xã hội (LinkedIn, facebook, ...) chiếm tỷ lệ cao nhất 29,1%; tiếp theo là từ bạn bè (16,6%), từ giảng viên (16,4%) và từ gia đình (10,6%). Tỷ lệ này phản ánh rằng, với thời đại công nghệ thông tin phát triển có tác động tích cực trong quá trình sinh viên tiếp cận thông tin một cách dễ dàng hơn, điều kiện thuận lợi để sinh viên hình dung ra công việc và định hướng công việc tương lai một cách rõ ràng. Qua đây thấy rằng sinh viên chưa nhận được nhiều thông tin liên quan về công việc từ phía nhà trường khi chỉ có 4,1% trong tổng số mẫu khảo sát.

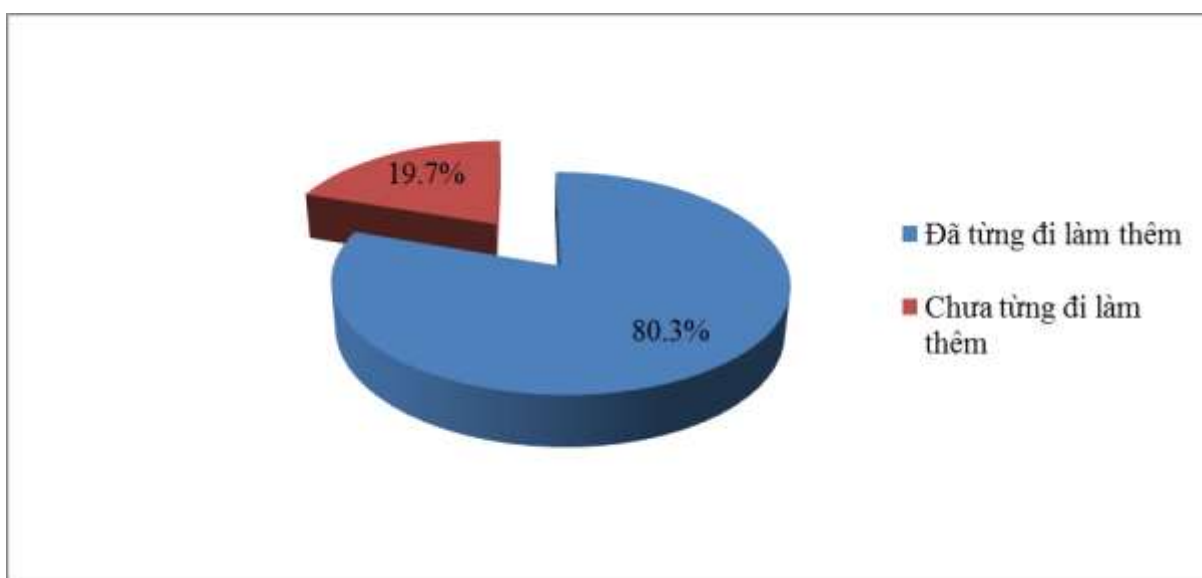
Biểu đồ 3.10: Các kênh tìm kiếm, tiếp cận thông tin về công việc trong tương lai



Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018

Thị trường lao động hiện nay đòi hỏi người lao động không chỉ giỏi chuyên môn mà phải trau dồi “kỹ năng mềm”, đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học khi tìm việc làm cũng phải có những điều kiện cần và đủ để được tuyển dụng. Chính vì vậy, hiện nay sinh viên rất năng động khi bước vào giảng đường đại học đã kịp thời thích nghi môi trường học tập cũng như môi trường sống mới và sinh viên nhanh chóng tìm kiếm công việc làm thêm để bổ trợ cho học tập và tập làm quen phục vụ cho công việc chính thức sau khi tốt nghiệp đại học. Khi được hỏi về tình hình đi làm thêm trong thời gian học đại học thì hầu hết sinh viên trả lời đã từng đi làm thêm (80,3%) và chỉ có 19,7% sinh viên trả lời chưa từng đi làm thêm. Điều này thể hiện sinh viên thực sự rất năng động, học hỏi, tìm tòi và không ngại khó, ngại khổ.

Biểu đồ 3.11: Tình hình làm thêm trong thời gian học đại học

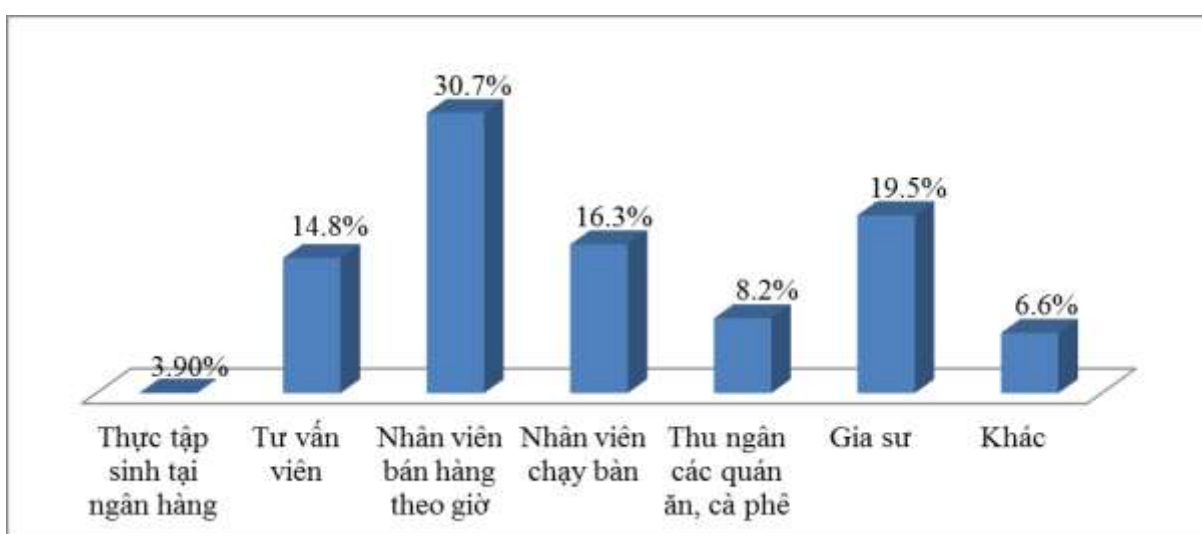


Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Ngay từ khi còn đang học đại học, sinh viên tìm kiếm công việc làm thêm như một bước khởi đầu để tập làm quen với công việc tương lai sau khi tốt nghiệp đại học. Cụ thể là việc làm thêm ở sinh viên diễn ra rất năng động, trong tổng số sinh viên đã từng đi làm thêm thì có tới 30,7% sinh viên làm

nhân viên bán hàng theo giờ, gia sư (19,5% trong tổng mẫu khảo sát) và các công việc như nhân viên chạy bàn (16,3%), tư vấn viên (14,8%), thu ngân các quán ăn, cà phê (8,2%), các công việc khác (6,6%). Qua biểu đồ 3.12 có thể thấy rằng, công việc làm thêm của sinh viên không liên quan nhiều đến ngành nghề đang học, thể hiện rõ là chỉ có 3,9% trong tổng số sinh viên đã từng đi làm thêm là làm thực tập sinh tại ngân hàng.

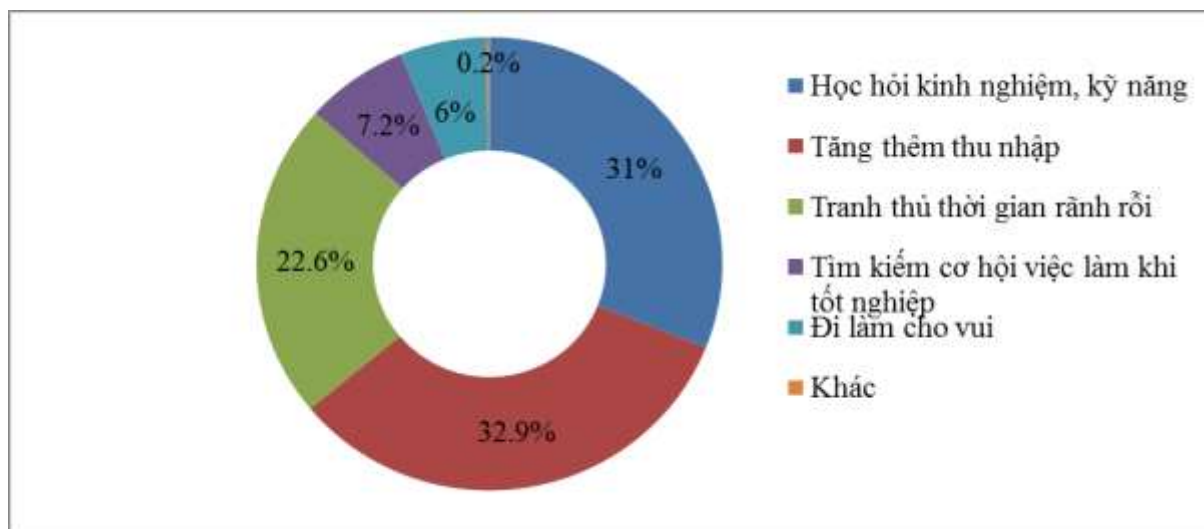
Biểu đồ 3.12: Công việc làm thêm



Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Mỗi sinh viên khi đi làm thêm đều bắt nguồn từ những lý do riêng như đi làm để tăng thêm thu nhập, tranh thủ thời gian rảnh rỗi hay học hỏi kinh nghiệm,... Trong tổng số sinh viên đi làm thêm, có 32,9% lý do sinh viên đi làm thêm để tăng thu nhập, 31% với lý do đi làm thêm để học hỏi kinh nghiệm, kỹ năng và 22,6% lý do đi làm thêm tranh thủ thời gian rảnh rỗi. Hầu như rất ít sinh viên đi làm thêm với lý do tìm kiếm cơ hội việc làm khi tốt nghiệp vì những công việc làm thêm của sinh viên không liên quan nhiều đến ngành học cũng như dự định việc làm trong tương lai. Chỉ có rất ít sinh viên đi làm thêm với lý do làm cho vui, điều này chứng tỏ sinh viên có kế hoạch và mục tiêu đi làm rõ ràng chứ không phải đi làm theo kiểu phong trào.

Biểu đồ 3.13: Lý do sinh viên đi làm thêm



Nguồn: *Kết quả khảo sát tháng 6 năm 2018*

Tiểu kết Chương 3

Có rất nhiều các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, song trong nghiên cứu này tập trung vào các yếu tố ảnh hưởng như trường học, gia đình và cá nhân sinh viên. Qua nghiên cứu cho thấy mấy vấn đề sau:

Thứ nhất, yếu tố trường học là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến định hướng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Trong đó, vai trò của giảng viên phụ trách môn là một yếu tố quan trọng trong việc tạo mục tiêu học tập cũng như định hướng công việc tương lai cho sinh viên. Bên cạnh đó, giảng viên cố vấn tại trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh được xem là người định hướng trực tiếp cho mọi suy nghĩ của sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện. Giảng viên cố vấn cũng là người nắm bắt được tốt nhất toàn bộ quá trình học tập, là người có nhiều trải nghiệm và luôn theo sát nhu cầu lao động của thị trường để có thể là người bạn tư vấn trực tiếp và hiệu quả nhất cho sinh viên. Giảng viên cố vấn cũng chính là cánh tay nối dài để truyền đạt và hiện thực hóa những định hướng và chính sách đào tạo của

nhà trường cho sinh viên. Chính vì vậy, có thể thấy giảng viên cố vấn có vai trò rất quan trọng trong việc phổ biến về các quy định của nhà trường, định hướng việc học tập và đặc biệt là định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Tuy nhiên, qua thực tế kết quả khảo sát cho thấy, vai trò của Nhà trường trong định hướng việc làm cho sinh viên tương đối ít và không thường xuyên. Những hình thức định hướng chỉ thực hiện theo thường niên như ngày hội việc làm, hội thảo,... nên sinh viên chưa được tiếp cận nhiều thông tin về định hướng việc làm một cách đều đặn và liên tục. Mặt khác, các câu lạc bộ, đội, nhóm là môi trường năng động để sinh viên tự học tập rèn luyện, là nơi giúp sinh viên đang học trải nghiệm thực tế các kiến thức được học vào các tình huống thực tế hay là một kênh quan trọng, duy nhất trong việc xây dựng mối quan hệ cho sinh viên giữa các sinh viên đang học, hay sinh viên đang học với cựu sinh viên trong giai đoạn học tín chỉ hiện nay. Hoạt động định hướng của các câu lạc bộ cũng là một vấn đề đáng quan tâm. Câu lạc bộ, đội, nhóm cũng chính là một kênh để nhà trường có thể gián tiếp tác động đến việc rèn luyện kỹ năng và hình thành phong cách chuyên nghiệp của sinh viên. Các câu lạc bộ, đội, nhóm có những hình thức định hướng như tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm, dạy các kỹ năng mềm,... tuy nhiên, những hình thức này diễn ra còn khá hạn chế và số lượng sinh viên tham gia các câu lạc bộ, đội, nhóm chưa nhiều. Chính vì vậy, cần chú trọng đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động của các câu lạc bộ, đội, nhóm với sự hỗ trợ của Nhà trường để có nhiều sinh viên được tiếp cận và tham gia. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cho thấy, bạn bè thân cũng có ảnh hưởng tới định hướng việc làm của sinh viên nhưng ở mức độ rất ít.

Thứ hai, yếu tố gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai của con cái. Chính vì vậy, đa số sinh viên tham gia khảo sát đều xin ý kiến của cha mẹ về công việc sau khi tốt nghiệp; tuy ở

những vùng miền khác nhau nhưng các bậc phụ huynh luôn mong muốn và định hướng cho con cái mình lựa chọn một công việc tương lai ổn định, có nhiều cơ hội phát triển và có thu nhập cao. Không theo quan niệm trước đây, họ không áp đặt con cái vào một công việc cụ thể nào, không bắt buộc phải làm gần nhà hay tiếp nối công việc của cha mẹ. Bên cạnh đó, thu nhập của gia đình cũng không ảnh hưởng nhiều đến định hướng việc làm cho con cái của cha mẹ vì hầu hết cha mẹ định hướng con cái lựa chọn công việc ổn định, có cơ hội phát triển và có thu nhập cao; riêng đối với những sinh viên có gia đình thu nhập bình quân đầu người mỗi tháng từ 5 – dưới 10 triệu đồng có một số cha mẹ định hướng con cái lựa chọn công việc gần nhà cha mẹ đang sinh sống. Sinh viên tiếp nhận thông tin về công việc tương lai từ gia đình chiếm tỷ lệ thấp, do cha mẹ chỉ định hướng các tiêu chí lựa chọn công việc chứ không hướng đến một công việc cụ thể.

Thứ ba, mỗi sinh viên phải có mục tiêu rõ ràng khi định hướng công việc tương lai của mình phù hợp nhất đối với bản thân. Lựa chọn công việc đúng sở thích song cũng đòi hỏi phải phù hợp năng lực bản thân mới công hiến và đạt được hiệu quả tốt nhất cho công việc đó. Qua kết quả nghiên cứu, sự khác biệt giới tính có ảnh hưởng đến quá trình định hướng cũng như công việc tương lai như ngành kế toán chỉ có số ít giới tính nam lựa chọn, trong khi đó đại đa số giới tính nữ lựa chọn công việc này trong tương lai và tương tự như vậy đối với các công việc giao dịch viên ngân hàng và giao dịch viên chứng khoán. Trong khi đó, các ngành như quản trị viên hệ thống thông tin, chuyên viên thanh toán quốc tế, chuyên viên tư vấn đầu tư và chuyên viên phân tích tài chính lại có xu hướng thiên về sự lựa chọn của sinh viên nam. Điều này chứng tỏ, sinh viên nữ dự định công việc tương lai đòi hỏi sự tỉ mỉ và thiên về giao tiếp nhiều hơn sinh viên nam; ngược lại, sinh viên nam lựa chọn công việc liên quan đến sự chuẩn xác cao và khả năng bao quát tốt.

Đồng thời, cũng có thể thấy sinh viên khi lựa chọn ngành học ban đầu như thế nào thường sẽ có xu hướng lựa chọn công việc trong tương lai phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Quan niệm của sinh viên khi định hướng cho bản thân một công việc sau khi tốt nghiệp đại học vẫn luôn được đề cao là tiêu chí phù hợp với chuyên môn được đào tạo và có thu nhập ổn định; đây dường như cũng là tiêu chí chọn việc làm của sinh viên nói chung và sinh viên trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Bên cạnh đó, sinh viên luôn mong muốn tìm được công việc có môi trường làm việc chuyên nghiệp và có cơ hội thăng tiến. Chính vì bản thân có những mong muốn khi lựa chọn công việc tương lai nên đa số sinh viên có mong muốn được làm việc trong khu vực kinh tế tư nhân nước ngoài để có thể làm việc đạt được những tiêu chí đặt ra khi định hướng nghề nghiệp.

Bản thân mỗi sinh viên luôn tìm kiếm, tiếp cận thông tin liên quan đến công việc dự định sẽ làm trong tương lai. Và phần lớn sinh viên được nhận thông tin liên quan đến công việc tương lai thông qua nhiều kênh khác nhau, trước hết là tìm kiếm, tiếp cận thông tin liên quan tới công việc tương lai từ các trang mạng xã hội (LinkedIn, facebook, ...), từ bạn bè, từ giảng viên và từ gia đình. Điều này phản ánh rằng, với thời đại công nghệ thông tin phát triển có tác động tích cực trong quá trình sinh viên tiếp cận thông tin một cách dễ dàng hơn, điều kiện thuận lợi để sinh viên hình dung ra công việc và định hướng công việc tương lai một cách rõ ràng. Tuy nhiên, từ đây cho thấy rằng sinh viên chưa nhận được nhiều thông tin liên quan về công việc từ phía nhà trường.

Qua nghiên cứu, hầu hết sinh viên đều đi làm thêm và điều này thể hiện sinh viên thực sự rất năng động, học hỏi, tìm tòi và không ngại khó, ngại khổ. Các công việc làm thêm của sinh viên không liên quan nhiều đến ngành nghề đang học và mỗi sinh viên khi đi làm thêm đều bắt nguồn từ những lý do

riêng như: tăng thu nhập, học hỏi kinh nghiệm, kỹ năng và tranh thủ thời gian rảnh rỗi. Hầu như rất ít sinh viên đi làm thêm với lý do tìm kiếm cơ hội việc làm khi tốt nghiệp vì những công việc làm thêm của sinh viên không liên quan nhiều đến ngành học cũng như dự định việc làm trong tương lai. Sinh viên đi làm để học hỏi thêm những “kỹ năng mềm” trang bị thêm những điều kiện cần và đủ để đi xin việc làm chính thức sau khi tốt nghiệp đại học.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua khảo sát về định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh đã trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu và kiểm chứng các giả thuyết đặt ra như sau:

Thứ nhất, sinh viên Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh có định hướng ra trường chủ yếu làm những nghề gì và ở những khu vực kinh tế nào? Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, đa số sinh viên dự định sẽ đi làm sau khi tốt nghiệp và định hướng việc làm theo hướng phù hợp với chuyên môn được đào tạo và điều đó thể hiện rõ nét khi sinh viên định hướng những công việc cụ thể liên quan tới ngành học. Đối với tiêu chí lựa chọn công việc, sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh đề cao các tiêu chí: Phù hợp với chuyên môn được đào tạo, thu nhập ổn định và môi trường làm việc chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cũng cho thấy xu hướng tìm kiếm cơ hội việc làm trong khu vực Nhà nước không còn quá nặng nề như trong những giai đoạn trước, thay vào đó đa phần sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay lại muốn được làm việc trong khu vực kinh tế tư nhân nước ngoài. Qua đó thấy được rằng, hầu hết sinh viên mong muốn làm công việc đúng chuyên môn, phù hợp năng lực. Thực tế khảo sát cho thấy rằng, sinh viên ngay từ khi ngồi trên ghế đã có định hướng về nghề nghiệp tương lai của mình. Mỗi sinh viên có những định hướng khác nhau, nhưng chung quy lại đều muốn có một nghề nghiệp ổn định và thu nhập tốt. Và giả thuyết sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh có mong muốn sau khi tốt nghiệp sẽ được làm việc đúng chuyên ngành đã học và ở khu vực kinh tế tư nhân nước ngoài đưa ra đã được kiểm chứng là đúng.

Thứ hai, các yếu tố nào tác động đến định hướng việc làm của sinh viên? Có rất nhiều các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, song trong nghiên cứu này tập trung vào các yếu tố ảnh hưởng như trường học, gia đình và cá nhân sinh viên. Trong đó, yếu tố trường học là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến định hướng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Vai trò của giảng viên phụ trách môn và giảng viên cố vấn đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng việc làm cho sinh viên, đặc biệt là giảng viên cố vấn có vai trò rất quan trọng trong việc phổ biến về các quy định của nhà trường, định hướng việc học tập và đặc biệt là định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Tuy nhiên, qua thực tế kết quả khảo sát cho thấy, vai trò của Nhà trường trong định hướng việc làm cho sinh viên tương đối ít và không thường xuyên. Những hình thức định hướng chỉ thực hiện theo thường niên như ngày hội việc làm, hội thảo,... nên sinh viên chưa được tiếp cận nhiều thông tin về định hướng việc làm một cách đều đặn và liên tục. Các câu lạc bộ, đội, nhóm có những hình thức định hướng như tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm, dạy các kỹ năng mềm,... Tuy nhiên, những hình thức này diễn ra còn khá hạn chế và số lượng sinh viên tham gia các câu lạc bộ, đội, nhóm chưa nhiều.

Bên cạnh đó, yếu tố gia đình cũng có ảnh hưởng rất lớn đến việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai của con cái. Chính vì vậy, đa số sinh viên tham gia khảo sát đều xin ý kiến của cha mẹ về công việc sau khi tốt nghiệp; tuy ở những vùng miền khác nhau nhưng các bậc phụ huynh luôn mong muốn và định hướng cho con cái mình lựa chọn một công việc tương lai ổn định, có nhiều cơ hội phát triển và có thu nhập cao. Không theo quan niệm trước đây, họ không áp đặt con cái vào một công việc cụ thể nào, không bắt buộc phải làm gần nhà hay tiếp nối công việc của cha mẹ. Qua khảo sát, thu nhập của gia đình không ảnh hưởng nhiều đến định hướng việc làm cho con cái của cha

mẹ vì hầu hết cha mẹ định hướng con cái lựa chọn công việc ổn định, có cơ hội phát triển và có thu nhập cao.

Qua kết quả nghiên cứu, sự khác biệt giới tính có ảnh hưởng đến quá trình định hướng cũng như công việc tương lai. Sinh viên nữ dự định công việc tương lai đòi hỏi sự tỉ mỉ và thiên về giao tiếp nhiều hơn sinh viên nam; ngược lại, sinh viên nam lựa chọn công việc liên quan đến sự chuẩn xác cao và khả năng bao quát tốt. Quan niệm của sinh viên khi định hướng cho bản thân một công việc sau khi tốt nghiệp đại học vẫn luôn được đề cao là tiêu chí phù hợp với chuyên môn được đào tạo và có thu nhập ổn định. Bên cạnh đó, sinh viên luôn mong muốn tìm được công việc có môi trường làm việc chuyên nghiệp và có cơ hội thăng tiến. Chính vì bản thân có những mong muốn khi lựa chọn công việc tương lai nên đa số sinh viên có mong muốn được làm việc trong khu vực kinh tế tư nhân nước ngoài để có thể làm việc đạt được những tiêu chí đặt ra khi định hướng nghề nghiệp.

Bản thân mỗi sinh viên luôn tìm kiếm, tiếp cận thông tin liên quan đến công việc dự định sẽ làm trong tương lai. Và phần lớn sinh viên được nhận thông tin liên quan đến công việc tương lai thông qua nhiều kênh khác nhau, trước hết là tìm kiếm, tiếp cận thông tin liên quan tới công việc tương lai từ các trang mạng xã hội (LinkedIn, facebook, ...), từ bạn bè, từ giảng viên và từ gia đình. Điều này phản ánh rằng, với thời đại công nghệ thông tin phát triển có tác động tích cực trong quá trình sinh viên tiếp cận thông tin một cách dễ dàng hơn, điều kiện thuận lợi để sinh viên hình dung ra công việc và định hướng công việc tương lai một cách rõ ràng. Tuy nhiên, từ đây cho thấy rằng sinh viên chưa nhận được nhiều thông tin liên quan về công việc từ phía nhà trường.

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, hầu hết sinh viên đều đi làm thêm

và điều này thể hiện sinh viên thực sự rất năng động, học hỏi, tìm tòi và không ngại khó, ngại khổ. Tuy nhiên, những công việc làm thêm của sinh viên không liên quan nhiều đến ngành học cũng như dự định việc làm trong tương lai. Sinh viên đi làm để học hỏi thêm những “kỹ năng mềm” trang bị thêm những điều kiện cần và đủ để đi xin việc làm chính thức sau khi tốt nghiệp đại học.

Qua kết quả nghiên cứu kiểm chứng được giả thuyết thứ hai đặt ra là đúng, các yếu tố trường học, gia đình và cá nhân đều có ảnh hưởng đến định hướng việc làm của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tốt nghiệp; trong đó, yếu tố cá nhân có vai trò rất quan trọng vì mỗi cá nhân có năng lực, nhận thức và cách tiếp cận khác nhau sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp của mỗi sinh viên.

2. Khuyến nghị

Đối với Nhà trường:

Nhà trường luôn có vai trò rất quan trọng trong việc định hướng việc làm, nghề nghiệp cho sinh viên và để vai trò này phát huy một cách tốt nhất Nhà trường nên thực hiện một số vấn đề sau:

- Nhà trường nên chú trọng tổ chức nhiều hơn những buổi hội thảo, tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Bên cạnh đó, tổ chức các lớp đào tạo miễn phí về “kỹ năng mềm” tạo điều kiện để sinh viên được tham gia.

- Nhà trường nên liên kết với một vài ngân hàng hoặc các doanh nghiệp tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội tiếp cận công việc làm thêm với vai trò là cộng tác viên; những công việc này đúng với chuyên ngành được đào tạo nhằm giúp sinh viên làm quen với công việc, có thêm kỹ năng cũng như kinh nghiệm phục vụ công việc chính thức sau khi tốt nghiệp.

- Cần chú trọng đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động của các câu lạc bộ, đội, nhóm với sự hỗ trợ của Nhà trường để có nhiều sinh viên được tiếp cận và tham gia.

Đối với sinh viên:

Để đạt được thành công trong công việc tương lai, sinh viên cần xác định mục tiêu học tập rõ ràng và định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp ngay từ khi còn ngồi trên ghế giảng đường đại học để lựa chọn công việc tương lai phù hợp với chuyên môn được đào tạo và năng lực của bản thân. Vì vậy qua kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số điểm lưu ý để sinh viên tham khảo sau:

- Mỗi sinh viên cần linh hoạt hơn như tham gia vào các câu lạc bộ, đội, nhóm, ban của Trường để làm đầy thêm những kỹ năng cho bản thân.

- Định hướng việc làm tương lai phù hợp chuyên môn được đào tạo và năng lực của bản thân. Xác định bản thân có thực sự yêu thích công việc đó hay không?

- Luôn trau dồi, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn để luôn đáp ứng được nhu cầu thị trường lao động đang cần. Từ đó, tránh gặp phải sự ngỡ ngàng từ định hướng đến chính thức làm việc sau khi tốt nghiệp.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Việt Anh (2016) *Định hướng việc làm của sinh viên hiện nay (Nghiên cứu trường hợp Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội)*, Luận văn cử nhân, Trường ĐH Khoa học XH&NV Hà Nội.
2. Đào Quang Bình (2007) *Sự chuyển đổi việc làm của cư dân ven đô dưới tác động của quá trình đô thị hóa*, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bộ lao động – Thương binh và Xã hội (2018) “Công bố Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam - Số 16, Quý 4 năm 2017”, Công thông tin điện tử Bộ Lao động Thương Binh và Xã Hội *molisa.gov.vn*, <<http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/chitiettin.aspx?IDNews=27631>>, (16/3/2018).
4. Phạm Huy Cường (2009) *Các yếu tố tác động đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên năm cuối các ngành khoa học xã hội (Nghiên cứu trường hợp Trường ĐH Khoa học XH&NV)*, Luận văn Thạc sĩ, Trường ĐH Khoa học XH&NV Hà Nội.
5. Nguyễn Hữu Dũng và Trần Hữu Trung (chủ biên) (1997) *Về chính sách giải quyết việc làm ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Trần Thị Phụng Hà (2014) “Định hướng giá trị nghề nghiệp của sinh viên Đại học Cần Thơ”, Tạp chí *Khoa học Trường ĐH Cần Thơ*, số 34, tr. 113-125.
7. Hồng Hạnh (2011) “Sinh viên thất nghiệp do thiếu định hướng nghề”, Báo điện tử *Dân Trí*, <<https://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/sinh-vien-that-nghiep-do-thieu-dinh-huong-nghe-1324101414.htm>>, (13/12/2011).
8. Bùi Hiền (2001) *Từ điển Giáo dục học*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.

9. Lê Thị Thanh Hương (2010) *Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông thực trạng ở Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế*, Nxb Khoa học xã hội, TP. Hồ Chí Minh.

10. Lê Phương Lan, Chu Thị Mai Phương và Nguyễn Thị Khánh Trinh (2016) “Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng có việc làm của sinh viên Đại học Ngoại thương sau khi tốt nghiệp”, Tạp chí *Kinh tế Đối ngoại*, số 84.

11. Hiếu Nguyễn (2011) “Tìm giải pháp gắn kết đào tạo với thị trường lao động”, Báo điện tử *Giáo dục và Thời đại*, <<https://giaoducthoidai.vn/dia-phuong/tim-giai-phap-gan-ket-dao-tao-voi-thi-truong-lao-dong-24412-u.html>>, (10/12/2011).

12. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2013) *Tài liệu dành cho cha mẹ “Giúp con hướng nghiệp”*, Nxb Đại học Sư phạm.

13. Nhóm nghiên cứu Trường ĐH Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh (2016) *Những yếu tố ảnh hưởng từ hoạt động đào tạo tới khả năng có việc làm và niềm đam mê trong công việc theo chuyên ngành của sinh viên Đại học Ngân hàng khi ra trường*, Công trình nghiên cứu dự thi giải thưởng Euréka.

14. Nguyễn Thị Kim Phụng (2004), Bàn về khái niệm “Việc làm” dưới góc độ của pháp luật lao động, *Tạp chí Luật học*, số 6/2004, tr. 64-67.

15. Nguyễn Thị Minh Phương (2009) *Định hướng nghề nghiệp và khu vực làm việc sau tốt nghiệp của sinh viên ngoài công lập hiện nay (Nghiên cứu trường hợp Trường Đại học Đông Đô)*, Luận văn Thạc sĩ, Trường ĐH Khoa học XH&NV Hà Nội.

16. Quốc hội (2012) *Bộ luật lao động của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Trang điện tử *Thư viện Pháp luật*, <<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Bo-Luat-lao-dong-2012-142187.aspx>>.

17. Nguyễn Phương Toàn (2011), *Khảo sát các yếu tố tác động đến việc chọn trường của học sinh lớp 12 trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Tiền Giang*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
18. Trường ĐH Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh (2016) *Báo cáo kết quả khảo sát KS03: Tình hình việc làm của sinh viên trường ĐHNH sau khi tốt nghiệp*, Trường ĐH Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh.
19. Nguyễn Thị Hồng Xoan (2009) *Bài giảng môn Các lý thuyết xã hội học hiện đại*, Bình Dương.

PHỤ LỤC

Phiếu số:

BẢNG HỎI

ĐỀ TÀI: “ĐỊNH HƯỚNG VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH”

Chào các bạn!

Hiện nay, chúng tôi (tôi) đang nghiên cứu đề tài “Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh”. Để hỗ trợ cho đề tài nói trên, chúng tôi có thực hiện cuộc khảo sát đối với sinh viên năm thứ 3 tại Trường. Rất mong các bạn sinh viên nhiệt tình tham gia và trả lời trung thực, giúp cung cấp những nguồn thông tin tốt nhất cho đề tài. Những thông tin các bạn cung cấp chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu mà không sử dụng vào mục đích nào khác.

Các bạn vui lòng khoanh tròn vào đáp án mình chọn và điền thông tin vào phần (...).

A. PHẦN THÔNG TIN CHUNG

Câu 1. Giới tính

1. Nam

2. Nữ

Tuổi:

Câu 2. Khoa đào tạo

Tài chính

Ngoại ngữ

Ngân hàng

Kinh tế quốc tế

Quản trị kinh doanh

Luật kinh tế

Kế toán – Kiểm toán

Câu 3. Kết quả học tập học kỳ 1 năm học 2017 - 2018

Xuất sắc	Trung bình
Giỏi	Yếu
Khá	Kém

Câu 4. Chỗ ở hiện nay của gia đình

1. Đô thị đồng bằng
2. Nông thôn đồng bằng
3. Đô thị miền núi
4. Nông thôn miền núi

Câu 5. Thu nhập trung bình đầu người mỗi tháng của gia đình bạn hiện nay
(tính cả bạn cho dù bạn không sống cùng bố mẹ):

Câu 6. Nghề nghiệp của cha, mẹ

1. Cha:..... Chức vụ:
2. Mẹ:..... Chức vụ:

B. PHẦN THÔNG TIN KHẢO SÁT

Câu 7. Tại sao bạn lại lựa chọn ngành học hiện tại?

1. Đây là một ngành có thể kiếm nhiều tiền trong tương lai.
2. Gia đình bạn có truyền thống làm trong ngành này.
3. Công việc của ngành phù hợp với sở trường của bạn.
4. Cha mẹ khuyên nên vào ngành này.
5. Theo lời khuyên của bạn bè.
6. Khác (*ghi rõ*):.....

Câu 8. Bạn đã hình dung ra công việc trong tương lai của mình như thế nào chưa?

1. Sẽ có công việc ổn định và thu nhập cao.
2. Có công việc ổn định nhưng thu nhập bình thường.

3. Không có công việc ổn định nhưng thu nhập cao/đáp ứng được yêu cầu khi làm việc.
4. Hoàn toàn chưa xác định được.

Câu 9. Trong quá trình học, giảng viên phụ trách môn có bao giờ trao đổi với bạn/ giúp bạn trong việc định hướng nghề nghiệp sau khi ra trường hay không?

1. Không có giảng viên nào.
2. Phần lớn các giảng viên là không.
3. Có, đối với phần lớn các giảng viên.
4. Có, đối với tất cả giảng viên.

Câu 10. Bạn đánh giá như thế nào về vai trò của giảng viên cố vấn?

1. Rất tích cực trong việc cung cấp thông tin, chia sẻ trải nghiệm, định hướng.
2. Bình thường.
3. Hỗ trợ rất hạn chế.
4. Gần như không đóng vai trò gì.

Câu 11. Nhà trường có bất cứ hình thức nào định hướng cho bạn lựa chọn công việc trong tương lai hay không?

1. Hoàn toàn không nhận được.
2. Không nhận được một cách đều đặn.
3. Nhận được tương đối đều đặn.
4. Nhận được đầy đủ.

Câu 11a. Nếu bạn có nhận được định hướng (*phương án 3 và 4 ở câu 11*), xin vui lòng cho biết những hình thức định hướng của Nhà trường?

.....
.....

Câu 12. Bạn có tham gia câu lạc bộ, đội nhóm, ban nào dưới đây? (*Có thể chọn nhiều đáp án*)

· Câu lạc bộ Mầm sống	· Câu lạc bộ FIC
· Ban Sự kiện	· Câu lạc bộ Nghiên cứu khoa học Eureka
· Ban Thông tin Truyền thông	· Câu lạc bộ Tủ sách Tình bạn
· Câu lạc bộ Phát thanh	· Câu lạc bộ Bóng rổ
· Câu lạc bộ Kỹ năng Đoàn – Hội	· Câu lạc bộ Hỗ trợ SV trực tuyến
· Đội Văn nghệ Xung kích	· Câu lạc bộ Ngân hàng Quốc tế
· Câu lạc bộ Nữ sinh	· Câu lạc bộ Anh văn
· Câu lạc bộ Dân ca và Nhạc cổ truyền	· Khác (<i>ghi rõ</i>):.....

Câu 13. Các câu lạc bộ, đội nhóm, ban bạn tham gia có giúp bạn xác định được công việc yêu thích của mình trong tương lai không?

1. Hoàn toàn không có
2. Có nhưng rất ít
3. Có nhưng không đều đặn
4. Có đều đặn

Câu 13a. Nếu các câu lạc bộ, đội nhóm, v.v giúp bạn xác định được công việc yêu thích trong tương lai (*phương án 3 và 4 ở câu 13*), xin vui lòng cho biết những giúp đỡ cụ thể?

.....

Câu 14. Bạn có bao nhiêu người bạn thân?

1. Một người
2. Hai người
3. Ba người
4. Bốn người
5. Năm người trở lên.

Câu 15. Bạn bè thân có ảnh hưởng đến định hướng lựa chọn công việc tương lai của bạn không?

1. Hoàn toàn không
2. Có nhưng rất ít
3. Có
4. Rất nhiều

Câu 16. Những lời khuyên (*nếu có*) của bạn bè thân về lựa chọn công việc tương lai của bạn?

1. Công việc có thu nhập cao
2. Công việc có nhiều cơ hội phát triển
3. Trở thành đồng nghiệp
4. Phù hợp năng lực
5. Dễ chia sẻ với nhau về công việc chuyên môn
6. Dễ xin việc
7. Khác (*ghi rõ*):.....

Câu 16a. Có bao giờ bạn bàn/xin ý kiến cha mẹ về công việc dự định sau khi tốt nghiệp không?

1. Không
2. Có

Câu 17. Định hướng của cha mẹ trong lựa chọn công việc tương lai của bạn là gì?

1. Công việc có thu nhập cao
2. Công việc có nhiều cơ hội phát triển
3. Công việc ổn định
4. Nối tiếp công việc của cha mẹ
5. Gần nhà cha mẹ
6. Dễ xin được việc làm

7. Khác (*ghi rõ*):

Câu 17a. Cha mẹ bạn có gợi ý một công việc cụ thể nào không?

1. Không

2. Có (*xin cho biết cụ thể*):.....

Câu 18. Bạn có nhận được bất kỳ thông tin nào có liên quan đến công việc tương lai không?

1. Có

2. Không

Câu 19. Bạn tìm kiếm, tiếp cận thông tin về công việc trong tương lai từ đâu?

(*Có thể chọn nhiều đáp án*)

1. Từ gia đình.

2. Từ bạn bè.

3. Từ giảng viên.

4. Từ các phòng, ban Nhà trường.

5. Từ rơi

6. Hội chợ việc làm

7. Từ các trang mạng xã hội (LinkedIn, facebook, ...)

8. Tivi, báo, đài

9. Từ các anh, chị cựu sinh viên.

10. Khác (*ghi rõ*):.....

Câu 20. Bạn dự định sẽ làm gì sau khi tốt nghiệp Đại học?

1. Đi làm

2. Học lên cao học rồi mới đi làm

3. Vừa làm vừa học thêm

4. Chưa có dự định sau khi tốt nghiệp

5. Khác (*ghi rõ*):

Câu 21. Dự định của bạn về công việc tương lai

Giáo viên	Giao dịch viên chứng khoán
Chuyên viên kế toán	Biên – phiên dịch viên
Nhân viên tín dụng	Chuyên viên phân tích tài chính
Nhân viên kiểm toán nội bộ	Chuyên viên tư vấn đầu tư
Giao dịch viên ngân hàng	Quản trị viên hệ thống thông tin
Chuyên viên thanh toán quốc tế	Khác (<i>ghi rõ</i>):

Câu 22. Lý do vì sao bạn dự định làm công việc đó? (*Có thể chọn nhiều đáp án*)

Phù hợp với chuyên môn được đào tạo	Có chính sách đãi ngộ tốt
Thu nhập ổn định	Có cơ hội thăng tiến
Thu nhập cao	Khả năng xin được việc cao
Môi trường làm việc chuyên nghiệp	Nối tiếp công việc của cha mẹ
Lãnh đạo có năng lực tốt	Khác (<i>ghi rõ</i>):
Đồng nghiệp chân thành, thân thiện	

Câu 23. Bạn mong muốn được công tác thuộc loại hình tổ chức nào?

1. Nhà nước
2. Tư nhân trong nước
3. Tư nhân nước ngoài
4. Khác (*ghi rõ*):

Câu 24. Tại sao bạn lại thích làm việc trong khu vực kinh tế đó?

1. Ổn định
2. Thu nhập cao
3. Môi trường làm việc chuyên nghiệp
4. Khác (*ghi rõ*):

Câu 24a. Bạn có hy vọng nhận được sự giúp đỡ của ai để đạt được nguyện vọng không? (*Có thể chọn nhiều đáp án*)

1. Sự giúp đỡ của cha mẹ và anh chị trong gia đình
2. Sự giúp đỡ của họ hàng
3. Sự giúp đỡ của bạn bè (*cả những người thông qua bạn bè*)
4. Không hy vọng sự giúp đỡ, tự mình tìm các cơ hội và đăng ký
5. Khác (*ghi rõ*):.....

Câu 25. Trong thời gian học Đại học, bạn đã từng đi làm thêm chưa?

1. Đã từng đi làm thêm
2. Chưa từng đi làm thêm (**Kết thúc bảng hỏi**)

Câu 26. Công việc làm thêm của bạn là gì?

1. Thực tập sinh tại ngân hàng
2. Tư vấn viên
3. Nhân viên bán hàng theo giờ
4. Nhân viên chạy bàn
5. Thu ngân các quán ăn, cà phê
6. Gia sư
7. Khác (*ghi rõ*):.....

Câu 27. Bạn đi làm thêm vì lý do gì? (*Có thể chọn nhiều đáp án*)

1. Học hỏi kinh nghiệm, kỹ năng
2. Tăng thêm thu nhập
3. Tranh thủ thời gian rảnh rỗi
4. Tìm kiếm cơ hội việc làm khi tốt nghiệp
5. Đi làm cho vui
6. Khác (*ghi rõ*).....

Xin chân thành cảm ơn!